

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- (i) Chủ đầu tư là: Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH
- (ii) Nhà thầu là: ____ *[ghi tên hợp pháp đầy đủ của Nhà thầu]*.
- (viii) Dự án: Trạm biến áp 220kV Đầm Sen
- (xxv) Công trình chính: theo chương V của E-HSMT

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

- a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
- b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
- c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
- d) E-ĐKC của hợp đồng;
- đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
- g) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;
- h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

Điều 5. Các yêu cầu đối với công tác thiết kế xây dựng công trình:
không áp dụng

Điều 6. Các yêu cầu đối với công tác cung cấp và lắp đặt thiết bị

- b) Thời gian thực hiện chế độ hậu mãi là 24 tháng kể từ ngày hết hạn bảo hành. *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu tháng]*.
- d) Các thiết bị yêu cầu giám định là cầu trục thiết bị GIS 220kV, 110kV *[ghi cụ thể tên, xuất xứ, chủng loại, số lượng thiết bị]*.
- g) Thời gian chuyển các thiết bị lắp đặt không đạt yêu cầu khởi công trường là 05 ngày *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày]*.

Điều 7. Các yêu cầu đối với công tác thi công xây dựng công trình

- l) Thời gian tiến hành nghiệm thu là 72 giờ sau khi vận hành thử *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi vận hành thử]*.
- m) Thời gian tiếp tục giám sát sự vận hành của công trình là 30 ngày sau khi nghiệm thu. *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi nghiệm thu]*.

Điều 8. Thử nghiệm, hiệu chỉnh và vận hành thử khi hoàn thành

8.1. Nghĩa vụ của Nhà thầu

Thời gian tiến hành các lần thử nghiệm khi hoàn thành là vào ngày yêu cầu *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày đã thông báo hoặc vào ngày yêu cầu]*.

Điều 9. Nghiệm thu của Chủ đầu tư

9.1. Nghiệm thu công trình

Thời gian phản hồi Nhà thầu là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Nhà thầu *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Nhà thầu]*.

9.4. Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng

Thời gian cấp Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng là 10 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót hoặc ngay sau khi Nhà thầu đã cung cấp tất cả các tài liệu của Nhà thầu]*.

9.6. Hoàn trả mặt bằng

Thời hạn dọn khỏi công trường của Nhà thầu là: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi Chủ đầu tư cấp Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng]*.

9.7. Chạy thử từng phần của công trình

Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần chạy thử là 48 giờ trước lần chạy thử. *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu giờ trước lần chạy thử]*.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

10.1. Ngày bắt đầu và hoàn thành toàn bộ công việc

- Ngày bắt đầu Công việc là ngày bàn giao mặt bằng và thông báo khởi công *[ghi cụ thể thời gian bao gồm ngày, tháng, năm]*.

- Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu về ngày bắt đầu công việc là 03 ngày *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày]*.

- Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực là kể từ ngày ký hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là 360 ngày kể từ ký hợp đồng

10.3. Tiến độ thực hiện công việc

- Thời gian trình tiến độ chi tiết thực hiện công việc là trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu của Chủ đầu tư. *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày bắt đầu công việc]*.

- Thời gian phản hồi cho Nhà thầu về tiến độ đề xuất là 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bản tiến độ của Nhà thầu [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bản tiến độ của Nhà thầu].

Điều 11. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng

11.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- + Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (Mẫu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng Chương VIII Biểu mẫu hợp đồng).
- + Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% Giá hợp đồng.
- + **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: yêu cầu nhà thầu mở tại Ngân hàng có Hội sở/chỉ nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp nhà thầu mở Bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các địa phương khác, phải có xác nhận của Hội sở/chỉ nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cho phép Chủ đầu tư được tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Hội sở/chỉ nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.**
- + Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Nhà thầu vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.
- + Trường hợp Nhà thầu là nhà thầu liên danh thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10% giá trị của hợp đồng cho Chủ đầu tư.
- + Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.
- + Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - + Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
 - + Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - + Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
 - + Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
 - + Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.
- + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.

- + Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Nhà thầu phải tự gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.
- + Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải tự gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Lưu ý:

- Nhà thầu đứng đầu liên danh chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo đảm bảo hành, bảo trì công trình, chất lượng công trình cho cả liên danh và nộp cho bên giao thầu, từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng nhà thầu cung cấp có giá trị tại TP. HCM, khi Ban Quản lý dự án Lưới điện TP.HCM (ALĐ) gửi yêu cầu tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng tại bất kỳ chi nhánh / hội sở tại TP. HCM thì đơn vị phát hành bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có trách nhiệm giải quyết.

- Trường hợp, Nhà thầu nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng tại địa phương khác, phải có xác nhận của Chi nhánh/ hội sở tại TP.HCM chịu trách nhiệm giải quyết các yêu cầu khi tịch thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng của Ban ALĐ thì khi đó Bảo đảm thực hiện hợp đồng mới được công nhận.

+ **Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:** Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Nhà thầu.

11.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng

Số tiền tạm ứng: 20% giá hợp đồng (trước thuế GTGT và không bao gồm chi phí dự phòng).

Việc tạm ứng thực hiện theo Điều 18 - Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Điều 9 Nghị định số 35/2023 ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Khi thực hiện thủ tục tạm ứng, các Nhà thầu phải lập kế hoạch và cam kết sử dụng vốn tạm ứng phù hợp với quy định hợp đồng;

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Ban ALĐ về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, như: đơn / hợp đồng đặt hàng vật tư thiết bị, bảng kê thanh toán tiền công, tiền lương, hợp đồng thuê kho bãi... phù hợp với kế hoạch, cam kết nêu trên. Theo đó, Ban ALĐ sẽ kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của việc sử dụng vốn tạm ứng.

Sau 45 ngày kể từ ngày cấp tiền tạm ứng, trường hợp Nhà thầu không thông báo tình hình sử dụng hoặc sử dụng vốn tạm ứng không phù hợp, Ban ALĐ sẽ tiến hành thu hồi tiền tạm ứng hợp đồng hoặc tịch thu Bảo lãnh tiền tạm ứng nếu nhà thầu không thực hiện việc hoàn trả tiền tạm ứng.

Đề nghị nhà thầu nghiên cứu văn bản số 984/ALĐ-TCKT ngày 18/3/2026 của Ban QLDA Lưới điện TP Hồ Chí Minh đính kèm

- + Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.
- + **Bảo lãnh tạm ứng: yêu cầu nhà thầu mở tại Ngân hàng có Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp nhà thầu mở Bảo lãnh tạm ứng tại các địa phương khác, phải có xác nhận của Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cho phép Chủ đầu tư được tịch thu bảo lãnh tạm ứng tại Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**
- + Thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng là: bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng.
- + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:
 - Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.
 - Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.
 - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.
 - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

– **Hoàn trả tiền tạm ứng:**

- + Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi theo tỷ lệ tương ứng ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng.
- + Trường hợp, tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.
- + Tỷ lệ thu hồi = Giá trị tạm ứng / (80% x Giá trị hợp đồng)
Số tiền tạm ứng được thu hồi = giá trị nghiệm thu x tỷ lệ thu hồi.

Điều 12. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

12.1. Giá hợp đồng

a) Hợp đồng này là hợp đồng ____ [*ghi cụ thể loại giá hợp đồng*]

b) Giá hợp đồng gồm:

i. Bằng Việt Nam Đồng: ____ Đồng.

Trong đó (nếu các bên có thỏa thuận tách riêng từng phần công việc):

- Phần mua sắm vật tư, thiết bị: ____ Đồng,

- Phần thi công xây dựng công trình: ____ Đồng.

iii. Khoản bổ sung hay giảm trừ: ____

12.2. Tạm ứng hợp đồng

i. Nhà thầu chỉ được đặt hàng, khai thác hàng hóa khi được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

ii. Bằng Việt Nam: ____ Đồng, tương ứng với 10% giá hợp đồng.

Trong đó (nếu các bên có thỏa thuận tách riêng từng phần công việc):

- Phần mua sắm vật tư, thiết bị: ____ Đồng, tương ứng với 10% giá trị phần mua sắm vật tư, thiết bị;

- Phần thi công xây dựng công trình: ____ Đồng, tương ứng với 10% giá trị phần thi công xây dựng công trình;

iii. Chi tiết của các lần tạm ứng như Phụ lục số ____ [*Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán hợp đồng*].

12.3. Thanh toán

a) Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng xây dựng là đồng tiền Việt Nam

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản

b) Tiến độ thanh toán được chia làm _____ [ghi cụ thể số lần thanh toán].

Trong đó:

i. Đối với phần mua sắm vật tư, thiết bị:

Đối với hàng hóa sản xuất và lắp đặt ở Việt Nam hoặc hàng hóa nhập khẩu sẵn:

Thanh toán cho phần hàng hóa:

- + **Thanh toán khi giao hàng:** Sau khi Bên B giao hàng tại địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên A sẽ thanh toán lũy kế cho Bên B **85% giá trị hàng hóa** của từng đợt hàng trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Văn bản đề nghị thanh toán kèm theo đầy đủ các chứng từ quy định tại điểm c) Hồ sơ thanh toán.
- + **Nghiệm thu:** thanh toán lũy kế cho Bên B **95% giá trị** trong vòng 30 ngày kể từ ngày hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư, khi Nhà thầu nộp đơn yêu cầu thanh toán kèm theo biên bản nghiệm thu của Chủ đầu tư;
- + **5% giá trị** còn lại được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu xuất trình bảo lãnh bảo hành cho Chủ đầu tư với giá trị tương đương có hiệu lực trong suốt thời gian bảo hành quy định tại Mục 30.2.

Thanh toán cho phần dịch vụ:

- + Thanh toán giai đoạn: Chủ đầu tư thanh toán lũy kế đến 90% giá trị nghiệm thu (sau khi khấu trừ tạm ứng) trong vòng 14 ngày làm việc sau khi chủ đầu tư nhận được các hồ sơ theo quy định của hợp đồng (Biên bản nghiệm thu lắp đặt hạng mục công trình; bảng xác nhận khối lượng giá trị và bản vẽ hoàn công, hồ sơ chất lượng).
- + Thanh toán khi công trình hoàn thành (có Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng): Thanh toán lũy kế đến 95% giá trị quyết toán khi nhà thầu nộp bảo lãnh thực hiện bảo hành công trình cho chủ đầu tư theo quy định tại E-ĐKC 23.3 (giá trị bảo hành dựa trên giá trị hợp đồng và giá trị phụ lục hợp đồng).
- + Thanh toán khi có báo cáo kiểm toán quyết toán hoàn thành công trình: Thanh toán lũy kế 100% giá trị quyết toán sau kiểm toán.

Đối với hàng hóa sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

Thanh toán cho phần hàng hóa:

- + **Thanh toán khi giao hàng:** Sau khi Bên B giao hàng tại địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên A sẽ thanh toán lũy kế cho Bên B **85% giá trị hàng hóa** (trừ giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu)

của từng đợt hàng trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu nộp các tài liệu chứng từ theo quy định tại điểm c) Hồ sơ thanh toán. Việc thanh toán được thực hiện thông qua thư tín dụng không hủy ngang được mở cho Nhà thầu thụ hưởng tại một ngân hàng ở quốc gia, vùng lãnh thổ mà Nhà thầu đăng ký thành lập;

- + **Nghiệm thu: thanh** toán lũy kế cho Bên B **95% giá trị** (trừ giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu) được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư, khi Nhà thầu nộp đơn yêu cầu thanh toán kèm theo biên bản nghiệm thu của Chủ đầu tư;
- + **5% giá trị** còn lại (trừ giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu) được thanh **toán** trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu xuất trình bảo lãnh bảo hành cho Chủ đầu tư với giá trị tương đương có hiệu lực trong suốt thời gian bảo hành quy định Mục 30.2.

Thanh toán cho phần dịch vụ:

- + Thanh toán giai đoạn: Chủ đầu tư thanh toán lũy kế đến 90% giá trị nghiệm thu (sau khi khấu trừ tạm ứng) trong vòng 14 ngày làm việc sau khi chủ đầu tư nhận được các hồ sơ theo quy định của hợp đồng (Biên bản nghiệm thu lắp đặt hạng mục công trình; bảng xác nhận khối lượng giá trị và bản vẽ hoàn công, hồ sơ chất lượng).
- + Thanh toán khi công trình hoàn thành (có Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng): Thanh toán lũy kế đến 95% giá trị quyết toán khi nhà thầu nộp bảo lãnh thực hiện bảo hành công trình cho chủ đầu tư theo quy định tại E-ĐKC 23.3 (giá trị bảo hành dựa trên giá trị hợp đồng và giá trị phụ lục hợp đồng).
- + Thanh toán khi có báo cáo kiểm toán quyết toán hoàn thành công trình: Thanh toán lũy kế 100% giá trị quyết toán sau kiểm toán.

Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu giá trị của hàng hóa (không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT) và giá trị của dịch vụ liên quan. Chủ đầu tư giữ lại thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT để thực hiện thủ tục thông quan."

ii. Đối với phần thi công xây dựng công trình:

- + Thanh toán giai đoạn: Chủ đầu tư thanh toán lũy kế đến 90% giá trị nghiệm thu (sau khi khấu trừ tạm ứng) trong vòng 14 ngày làm việc sau khi chủ đầu tư nhận được các hồ sơ theo quy định của hợp đồng.
- + **Thanh toán khi công trình hoàn thành** (có Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng đối với gói thầu cung cấp VTTB và Xây lắp; có Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục đối với gói thầu xây lắp): Thanh

toán lũy kế đến 95% giá trị quyết toán khi nhà thầu nộp bảo lãnh thực hiện bảo hành công trình cho chủ đầu tư theo quy định tại **E-ĐKC 44.1** (giá trị bảo hành dựa trên giá trị hợp đồng và giá trị phụ lục hợp đồng).

- + **Thanh toán khi có báo cáo kiểm toán quyết toán hoàn thành công trình:** Thanh toán lũy kế 100% giá trị quyết toán sau kiểm toán.

c) Hồ sơ thanh toán :

Đối với hạng mục hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa:

07 ngày trước mỗi chuyến giao hàng, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư bằng fax hoặc thư các chứng từ sau đây:

Đối với hàng hóa sản xuất, gia công ngoài nước:

- 01 bản chính và 05 bản sao y thông báo giao hàng;
- 01 bản chính và 05 bản sao y bản liệt kê chi tiết vật tư thiết bị;
- 01 bản chính và 05 bản sao y chứng chỉ xuất xứ hàng hóa hợp lệ theo luật định;
- 01 bản chính và 05 bản sao y chứng chỉ chất lượng và số lượng của nhà chế tạo;
- 01 bản chính và 05 bản sao y giấy chứng nhận bảo hành của nhà chế tạo/cung cấp;
- 01 bản gốc và 05 bản sao y Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của Nhà sản xuất;
- 01 bản gốc và 05 bản sao y hóa đơn GTGT;
- 01 bản gốc và 05 bản sao y chứng nhận bảo hiểm
- 05 bản sao y tờ khai hàng hóa nhập khẩu (không bao gồm đơn giá hàng hóa);
- 05 bản sao y chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT do cơ quan chức năng phát hành (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật được quy định trong hợp đồng.

Đối với hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam hoặc hàng hoá nhập khẩu sẵn

- 01 bản gốc và 05 bản sao y hóa đơn của nhà thầu nêu rõ đặc điểm của hàng hóa, số lượng, đơn giá và tổng số lượng;
- 01 bản gốc và 05 bản sao y thông báo giao hàng, biên nhận gửi hàng;

- 01 bản chính và 05 bản sao y bản liệt kê chi tiết vật tư thiết bị;
- 01 bản gốc và 05 bản sao y chứng chỉ bảo hành được cấp bởi Nhà sản xuất hoặc Nhà thầu;
- 01 bản gốc và 05 bản sao y Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của Nhà sản xuất;
- 01 bản gốc và 05 bản sao y chứng chỉ chất lượng hàng hóa.

Chủ đầu tư phải nhận được những chứng từ kể trên trước khi hàng đến và, nếu không nhận được, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm cho các chi phí phát sinh do việc không nhận được chứng từ của Chủ đầu tư.

Lưu ý:

- Bản sao y phải do đơn vị phát hành sao y hoặc công chứng nhà nước xác nhận.
- Nhà thầu phải giao trước cho Chủ đầu tư các chứng từ nêu trên để Chủ đầu tư xem xét chấp nhận trước khi giao hàng.
- Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa được cấp bởi Phòng thương mại của nước của Nhà sản xuất hàng hóa.
- Trong trường hợp chứng từ giao hàng không đầy đủ hoặc không đáp ứng yêu cầu hợp đồng, Nhà thầu chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ chứng từ giao hàng và chịu mọi chi phí liên quan.

Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

Đối với hạng mục xây lắp

1. Hồ sơ thanh toán giai đoạn

- Văn bản đề nghị thanh toán (03 bản chính).
 - Hóa đơn thuế giá trị gia tăng khối lượng nghiệm thu giai đoạn (VAT).
 - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo HD (Mẫu PL3a Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025) (06 bộ).
 - Bảng quyết toán VTTB A cấp giai đoạn (nếu có).
 - Bảng xác nhận khối lượng thanh toán giai đoạn (06 bộ).
- Biên bản nghiệm thu giai đoạn (06 bộ).

Hồ sơ nghiệm thu giai đoạn (04 bộ, đính kèm danh mục hồ sơ và USB chứa toàn bộ file scan hồ sơ nghiệm thu được đánh số thứ tự và chia theo từng thư mục cụ thể), gồm:

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng các loại vật tư, thiết bị trước khi lắp đặt.
- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, lắp đặt thiết bị.
- Biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng.
- Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng.

Hồ sơ sửa đổi thiết kế (nếu có).

2. Hồ sơ thanh toán quyết toán

- Văn bản đề nghị thanh toán (03 bản chính).
- Hóa đơn thuế giá trị gia tăng khối lượng nghiệm thu hoàn thành (VAT).
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo HĐ (Mẫu PL3a Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025) (06 bộ).
- Bảng quyết toán VTTB A cấp (nếu có – 06 bộ).
- Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành (06 bộ).
- Phiếu thu hồi vật tư cũ (nếu có).
- BB nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

* *Hồ sơ quyết toán hoàn thành gồm các tài liệu sau:*

Hồ sơ hoàn công (06 bộ gồm 01 bộ chính + 05 bộ photo, đính kèm danh mục hồ sơ và USB chứa toàn bộ file scan hồ sơ quyết toán được đánh số thứ tự và chia theo từng thư mục cụ thể) – Theo phụ lục VIB (danh mục hồ sơ hoàn thành công trình) ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Lưu ý: Nhà thầu phải scan toàn bộ hồ sơ nghiệm thu, tài liệu thiết bị, hồ sơ thanh toán giai đoạn, bản vẽ hoàn công, hồ sơ quyết toán thuộc phạm vi gói thầu này theo quy định hiện hành của EVNHCMC, tập hợp thành file hoàn chỉnh, có có đánh số thứ tự và tên từng thư mục cụ thể, lưu trữ bằng USB, gửi Chủ đầu tư để phục vụ số hóa hồ sơ dự án.

d) Thời hạn thanh toán là: Sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định của hợp đồng, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

13.1. Nhân lực của Chủ đầu tư

Thời gian thông báo về đại diện của Chủ đầu tư là 03 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày].

13.4. Quyết định

Thời gian thông báo về việc không thỏa mãn với quyết định của Chủ đầu tư là 07 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo về quyết định của Chủ đầu tư].

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà tư vấn: Không áp dụng

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

15.11. Vận chuyển Hàng hóa

a) Thời gian thông báo về việc hàng hóa được vận chuyển tới công trường là 10 ngày *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày - thường không muộn hơn 21 ngày]*.

15.16. Báo cáo Tiến độ

- Tần suất lập báo cáo tiến độ là theo tuần, theo tháng, theo quý, theo năm *[ghi cụ thể tần suất theo tháng, quý, năm]*.

- Số lượng báo cáo tiến độ nộp cho Chủ đầu tư là 01 bản *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu bản]*.

- Thời gian nộp báo cáo tiến độ thực hiện là ngày cuối cùng của tuần, của tháng, của quý, của năm *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày cuối cùng của tháng, quý, năm]*.

- Nội dung báo cáo tiến độ bao gồm ____ *[ghi cụ thể các nội dung yêu cầu trừ khi khác với các nội dung tại phần điều kiện chung]*.

15.17. An ninh công trường

- Quy định về an ninh công trường bao gồm ____ *[ghi cụ thể nội dung, biện pháp, đơn vị thực hiện và các nội dung có liên quan]*.

15.20. Tài liệu hoàn công

- Số lượng hồ sơ tài liệu hoàn công là 05 bản giấy và các file số hóa *[ghi cụ thể là bao nhiêu bản]*.

Điều 16. Điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng

16.1. Điều chỉnh giá hợp đồng

Trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng: ____ *[ghi cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng gắn với nội dung, phương pháp, thời gian, công thức, nguồn dữ liệu điều chỉnh và các nội dung có liên quan đảm bảo phù hợp với nguyên tắc điều chỉnh của từng loại giá hợp đồng theo quy định pháp luật]*.

16.2. Điều chỉnh hợp đồng

Trường hợp điều chỉnh hợp đồng: ____ *[ghi cụ thể các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng gắn với quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan đảm bảo phù hợp với nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật]*.

- **Điều chỉnh khối lượng công việc ngoài hợp đồng; điều chỉnh giá ngoài hợp đồng; điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng:** thực hiện theo Điểm b, c, d Khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Điều 37, 38, 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Khoản 12, 13, 14 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Điều 4, 5, 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023.

- **Nguyên tắc điều chỉnh giá, giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng:**
 - + Trường hợp khối lượng phát sinh có đơn giá trong hợp đồng: áp dụng theo đơn giá trong hợp đồng.
 - + Trường hợp khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng: xác định đơn giá mới. Đơn giá mới được tính toán theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Đơn giá mới sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ thực hiện chiết giảm khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng. Nguyên tắc chiết giảm là chiết giảm theo tỷ lệ % giá dự toán phù hợp với quy định tối ưu hoá chi phí ĐTXD của EVN tại thời điểm ký kết phụ lục hợp đồng.
- **Điều chỉnh tiến độ:** Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:
 - + Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;
 - + Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;
 - + Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.

Điều 17. Nhà thầu phụ

17.1. Quy định chung về nhà thầu phụ

d) Thời gian thông báo về Nhà thầu phụ là 07 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày trước ngày dự định bắt đầu công việc của mỗi Nhà thầu phụ].

Điều 18. Tạm ngừng, chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

18.1. Thông báo sửa chữa

- Thời gian yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót, hỏng hóc là 07 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày].

18.4. Thanh toán tiền thiết bị và các vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công việc: Không áp dụng

18.5. Việc tạm ngừng kéo dài quá thời gian quy định

- Thời gian thông báo chấp thuận cho Nhà thầu tiếp tục tiến hành công việc là 07 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ khi nhận được yêu cầu].

18.7. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

b) Thời gian liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng là 28 ngày trong khi việc dừng thực hiện hợp đồng này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày]*.

đ) Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu là 07 ngày *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày trước khi chấm dứt hợp đồng và trực xuất ra khỏi công trường]*.

18.10. Quyền chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư

Thời gian có hiệu lực của việc chấm dứt hợp đồng là 07 ngày *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày đến sau của các thời điểm mà Nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại Bảo lãnh thực hiện]*.

Điều 19. Tạm ngừng chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

19.1. Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu

Thời gian tạm ngừng công việc là 10 ngày *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày thông báo cho Chủ đầu tư]*.

19.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

c) Thời gian ngừng công việc liên tục do lỗi của Chủ đầu tư là: không áp dụng *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày]*.

đ) Thời gian thông báo trước cho Chủ đầu tư là 07 ngày *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày trước khi chấm dứt hợp đồng]*.

Điều 20. Bảo hiểm và bảo hành công trình

20.1. Bảo hiểm

*** Bảo hiểm toàn bộ công trình (bảo hiểm mua cho Chủ đầu tư):**

– Bên được bảo hiểm:

+ Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH (EVNHCMC).

+ Đại diện chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh.

+ Các nhà thầu chính, nhà thầu phụ và/hoặc các nhà cung cấp, nhà sản xuất và/hoặc các bên liên quan thực hiện công việc tại địa điểm công trường.

– Người thụ hưởng bảo hiểm:

+ Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH

+ Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh.

– **Giá trị bảo hiểm công trình là: 539.496.482.413 đồng** (trước thuế GTGT), bao gồm:

+ Chi phí xây dựng: 60.887.933.147 đồng (trước thuế GTGT).

+ Chi phí thiết bị: 478.608.549.266 đồng (trước thuế GTGT).

– **Đơn vị bảo hiểm:** Nhà thầu phải trình thông qua Chủ đầu tư và phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước khi ký hợp đồng.

– **Phạm vi bảo hiểm:**

+ Bảo hiểm cho tất cả tổn thất đối với các hạng mục xây lắp và vật tư thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt công trình do bất kỳ nguyên nhân nào trừ những trách nhiệm được loại trừ theo quy định tại **Điều 34 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;**

+ Riêng đối với vật tư thiết bị của Chủ đầu tư, phạm vi bảo hiểm bắt đầu từ thời điểm xuất kho của Chủ đầu tư (thời điểm VTTB được bốc xếp lên xe) để vận chuyển đến công trường, quá trình lắp đặt, nghiệm thu.

– **Quy tắc bảo hiểm:** Áp dụng Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng và các điều khoản bổ sung theo phụ lục chương 7 (đính kèm E-HSMT).

– **Chi phí bảo hiểm công trình:** 1.186.892.261 đồng (đã bao gồm 10% thuế GTGT).

– **Thời hạn bảo hiểm:** Từ ngày khởi công cho đến khi hoàn thành công trình, cộng thêm 36 tháng bảo hành tiếp theo sau khi công trình hoàn tất nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

– **Hợp đồng bảo hiểm:** Nhà thầu ký hợp đồng bảo hiểm với đơn vị bảo hiểm theo mẫu hợp đồng đính kèm theo phụ lục chương 7 (đính kèm HSMT).

Lưu ý: Nhà thầu phải xuất trình hợp đồng, giấy chứng nhận bảo hiểm công trình xây dựng (bản chính) kèm theo bản sao y công chứng hóa đơn mua bảo hiểm trước khi Chủ đầu tư ban hành lệnh khởi công công trình. Hợp đồng bảo hiểm phải hợp lệ và có nội dung phù hợp với Quy tắc bảo hiểm hiện hành. Hóa đơn bảo hiểm phải hợp lệ theo quy định hiện hành. Trước khi ký kết hợp đồng bảo hiểm, nhà thầu đệ trình tên đơn vị bảo hiểm và phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện. Việc thanh toán giá trị bảo hiểm sẽ thực hiện theo thực thanh thực chi.

Bảo hiểm nhà thầu cung cấp có giá trị tại TP. Hồ Chí Minh, khi Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh gửi yêu cầu bồi thường bảo hiểm tại bất kỳ chi nhánh/hội sở tại TP. Hồ Chí Minh thì đơn vị bảo hiểm phải có trách nhiệm giải quyết.

Trường hợp, Nhà thầu nộp bảo hiểm tại địa phương khác, phải có xác nhận của Chi nhánh/ hội sở tại TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm giải quyết các yêu cầu bồi thường bảo hiểm của Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh thì khi đó bảo hiểm mới đc công nhận.

***Bảo hiểm công trình (bảo hiểm của nhà thầu thi công xây dựng công trình):**
Yêu cầu về bảo hiểm:

– Áp dụng Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng.

– Nhà thầu phải có nghĩa vụ mua bảo hiểm bằng tiền của Nhà thầu đối với phạm

vi bảo hiểm bao gồm: Vật tư thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu; vật tư thiết bị lắp đặt cho công trình do Nhà thầu cung cấp, vật tư thiết bị Nhà thầu nhận từ Chủ đầu tư (vật tư A cấp nếu có) cho đến khi được lắp đặt đưa vào kết cấu công trình.

– Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường. Bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường: 100.000.000 đồng/1 người/1 vụ. Thời hạn bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường bắt đầu kể từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường đến hết thời gian bảo hành công trình.

– Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba. Thời hạn bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng.

– Số tiền bảo hiểm đối với Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba:

- + Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng là 100.000.000 đồng/1 người/1 vụ và không giới hạn số vụ tổn thất.
- + Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) được xác định như sau:
 - Đối với công trình có giá trị dưới 1.000 (một nghìn) tỷ đồng, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là 10% giá trị công trình cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.
 - Đối với công trình có giá trị từ 1.000 (một nghìn) tỷ đồng trở lên, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là 100 (một trăm) tỷ đồng cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất”.

Lưu ý: Nhà thầu phải mua bảo hiểm tại các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam và được phép cung cấp loại sản phẩm bảo hiểm này.

20.2. Bảo hành

- **Thời gian bảo hành:** 36 tháng được tính từ ngày Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng
- **Đối với Thiết bị GIS 220kV và 110kV:** Nhà thầu phải cung cấp văn bản cam kết thời gian bảo hành ≥ 05 năm (60 tháng) được tính từ ngày Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng.
- **Tất cả thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Nhà thầu.**
- **Hình thức bảo hành:** thư bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bảo hành theo mức: **3% giá trị hợp đồng (trong bảo lãnh bảo hành cần ghi rõ nội dung: “Trước khi hết hạn bảo hành 10 ngày, nhà thầu có trách nhiệm liên hệ với Chủ đầu tư để thực hiện các công việc kiểm tra, xác nhận và nghiệm thu các công việc bảo hành mà Nhà thầu đã thực hiện. Trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ bảo hành, nhà thầu phải thực hiện sửa chữa theo quy định tại hợp đồng cho đến khi hoàn tất việc sửa chữa và được Chủ đầu tư cung cấp giấy xác nhận Nhà thầu đã hoàn tất công tác bảo hành theo quy định của hợp đồng. Sau khi có giấy xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành công tác bảo hành thì Ngân hàng mới giải tỏa bảo lãnh bảo hành cho Nhà thầu”)**

- Nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.
- **Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:** Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Chủ đầu tư chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Nhà thầu theo thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

- **Yêu cầu về bảo hành công trình:** Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu.

Trong thời gian bảo hành, Chủ đầu tư cần thông báo cho Nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của Nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của Nhà thầu trong khoảng thời gian do chủ đầu tư quy định. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này.

Trường hợp Nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư quy định (việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này), Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà thầu sẽ phải hoàn trả chi phí này.

Nhà thầu cam kết nhà thầu và nhà sản xuất các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của chủ đầu tư tới các dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống.

Điều 21. Trách nhiệm đối với các sai sót

21.3. Kéo dài thêm thời hạn thông báo sai sót

- Thời gian gia hạn thông báo sai sót là 2 năm [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày, tháng sau khi thời gian thông báo sai sót hết hiệu lực - tối đa 2 năm].

21.6. Các kiểm định thêm

Thời gian thông báo yêu cầu kiểm định thêm là 07 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng].

Điều 22. Thưởng, phạt do vi phạm hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại

22.1. Thưởng hoàn thành tốt hợp đồng

Nguyên tắc:

Chỉ áp dụng thưởng khi đáp ứng đủ các điều kiện:

- Không điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu; đảm bảo chất lượng công việc theo nội dung hợp đồng đã ký.
- Tiến độ, khối lượng thực tế vượt tiến độ, khối lượng quy định trong hợp đồng từ 1/4 thời gian trở lên hoặc có giải pháp thiết kế, thi công đem lại lợi ích kinh tế (tính được bằng tiền có giá trị từ 1/4 giá trị hợp đồng) cho bên giao thầu.

Mức thưởng: Theo quy định hiện hành của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Điện lực TP.HCM.

22.2. Phạt vi phạm hợp đồng

a. Đối với hạng mục cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình:

i. Nguyên tắc:

- Các nội dung sai sót liên quan đến tiến độ cung cấp thiết bị: bắt đầu từ ngày thứ 5 trở đi, cứ mỗi ngày chậm sẽ bị phạt.
- Các nội dung sai sót liên quan đến chất lượng thiết bị: thiết bị không đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của hợp đồng.

ii. Mức phạt:

- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo mức độ vi phạm).
- Giá trị phạt do sai sót về tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hạng mục công việc bị vi phạm (tỷ lệ được tính bắt đầu từ ngày thứ 5, cứ mỗi ngày chậm tiếp theo sẽ phạt 0,1 % giá trị lô hàng).
- Tổng mức phạt cho cả 02 nội dung trên không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm; mức phạt tối đa đến 12 % sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.
- Nếu nhà thầu không thực hiện toàn bộ hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng) và nhà thầu phải chịu bồi thường thêm 2 % giá trị hợp đồng vi phạm.
- Nếu nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện đã nêu tại điều khoản bảo hành của hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm bảo hành (hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán chi phí bảo lãnh bảo hành) và nhà thầu phải chịu bồi thường thêm 2 % giá trị hợp đồng vi phạm.

Lưu ý:

- Nếu nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ sau khi hết mức khoản phạt 12% giá trị hợp đồng vi phạm quá thời gian 01 tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng đến chất lượng công trình thì chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ đánh giá năng lực nhà thầu, không chấp nhận cho nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo, đồng thời báo cáo Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh xem xét không chấp nhận cho nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu do Tổng công ty quản lý.

b. Đối với hạng mục thi công xây dựng:

i. Nguyên tắc:

- Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ); chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán.
- Vi phạm về chất lượng công trình:

+ Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại.

+ Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại.

+ Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng.

+ Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt, tự ý thay đổi thiết kế hoặc không tuân thủ phương án thi công đã được phê duyệt. Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng.

+ Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra.

+ Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành.

+ Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

+ Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ.

+ Các vi phạm khác như:

- Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan,...

- Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm,... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình.

- Nhà thầu trả điện trễ hoặc tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu.

- Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định.

- Chậm trễ trong việc cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan đến việc đóng điện.

- Không trả lại hiện trường đúng giờ theo phiếu công tác hay hoãn/hủy công tác theo kế hoạch thi công được duyệt.
- Thử thứ tự pha không chuẩn xác để xảy ra tình trạng ngược chiều quay khi đóng điện làm hư hỏng tài sản của chủ đầu tư.
- Không thực hiện thi công theo lịch cắt điện đã được phê duyệt.
- Vật tư thiết bị thu hồi không theo phương án của chủ đầu tư.

ii. Mức phạt:

- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12% x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2%, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4%). Trong trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, nhà thầu sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả chi phí cho các tư vấn phục vụ cho công tác sửa chữa đó).
- Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2 %, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4 %, tối đa 12 %).
- Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5 % phần việc bị chậm tiến độ hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được phần việc bị vi phạm, mức phạt tối đa đến 12 % sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. Nhà thầu sẽ không bị phạt do chậm tiến độ thực hiện hợp đồng vì nguyên nhân khách quan như chậm bàn giao mặt bằng thi công, chờ cấp vật tư, thiết bị A cấp, chờ bố trí cắt điện thi công, chờ sửa đổi, bổ sung thiết kế.
- Về hồ sơ nghiệm thu: Sau 10 ngày kể từ ngày thi công hoàn tất công trình nếu nhà thầu không chuyển hồ sơ nghiệm thu cho chủ đầu tư thì bị phạt 0,1 % giá trị hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm. Trường hợp phải hiệu chỉnh hồ sơ do sai sót, sau 3 ngày nếu nhà thầu chưa chuyển hồ sơ hiệu chỉnh theo yêu cầu của chủ đầu tư thì sẽ phạt thêm 0,1 % giá trị hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm.
- Về hồ sơ quyết toán: trong vòng 3 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, nhà thầu phải hoàn tất công tác hoàn nhập, thu hồi vật tư thiết bị nếu có. Trong vòng 7 ngày tiếp theo, nhà thầu hoàn tất hồ sơ quyết toán. Nếu sau 10 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu mà nhà thầu chưa hoàn tất quyết toán thì nhà thầu bị phạt 3% giá trị hợp đồng vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.
- Đối với công tác trả điện trễ:
 - + Trả điện trễ 1 lần: phạt đơn vị thi công 1% giá trị hợp đồng vi phạm.
 - + Trả điện trễ 2 lần: phạt đơn vị thi công 2% giá trị hợp đồng vi phạm.
 - + Trả điện trễ 3 lần: phạt đơn vị thi công 3% giá trị hợp đồng vi phạm.

- + Trả điện trễ 4 lần: Chủ đầu tư sẽ đánh giá năng lực nhà thầu, không chấp nhận cho nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo, đồng thời báo cáo Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh xem xét không chấp nhận cho nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu do Tổng công ty quản lý.
- Tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu: phạt 5% giá trị hợp đồng vi phạm.
 - Đối với công tác báo cáo: Không lập biên bản hiện trường (nếu có) hàng ngày, không báo cáo khối lượng thi công, tình hình thi công đúng hạn, không đề xuất giải pháp để thực hiện hợp đồng đúng tiến độ, không báo cáo chủ đầu tư về xử lý tình huống thi công tại hiện trường (kiến nghị chủ đầu tư về hiệu chỉnh thiết kế), ghi nhật ký thi công không đúng, không tham dự các cuộc họp: phạt 0,5% giá trị hợp đồng vi phạm cho mỗi lần vi phạm.
 - Đối với công tác vệ sinh môi trường: đơn vị thi công không đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường khi bị chủ đầu tư nhắc nhở và có văn bản phê bình hoặc báo chí phản ánh: phạt 0,5% giá trị hợp đồng vi phạm cho mỗi lần vi phạm.
 - Nhân sự thực hiện hợp đồng: không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình mà nhà thầu đã đề xuất trong E-HSĐT/ hợp đồng hoặc đề xuất thay đổi (nếu có) phải được chủ đầu tư thông qua trước khi thi công: phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm cho mỗi lần vi phạm.
 - Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp hồ sơ xin giấy phép xây dựng/ giấy phép thi công đào, tái lập mặt đường với Sở Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh: phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm.
 - Nhà thầu chậm trễ trong việc cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan đến việc đóng điện quá 3 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành hạng mục cần đóng điện: phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm. Nhà thầu không trả lại hiện trường đúng giờ theo phiếu công tác hay hoãn/hủy công tác theo kế hoạch thi công được duyệt: phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm.
 - Nhà thầu thi công thực hiện thử thứ tự pha không chuẩn xác dễ xảy ra tình trạng ngược chiều quay khi đóng điện làm hư hỏng tài sản của chủ đầu tư mà không kịp thời khắc phục sửa chữa: phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm và bồi thường phần tài sản bị hư hỏng cho chủ đầu tư. Nếu trả điện trễ sẽ phạt tiếp như công tác trả điện trễ nêu trên.
 - Nhà thầu không thực hiện thi công theo lịch cắt điện đã được phê duyệt: phạt 2% giá trị hợp đồng vi phạm.
 - Đối với vật tư thiết bị thu hồi không nhập trong ngày thi công: phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm.
 - Nếu nhà thầu không thực hiện toàn bộ hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng) và nhà thầu phải chịu bồi thường thêm 2 % giá trị hợp đồng vi phạm.

- Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.
- Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 15 E-ĐKC, nếu nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1,5%/ tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 57 E-ĐKC.

Lưu ý:

- Nếu nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ sau khi hết mức khoản phạt 12% giá trị hợp đồng vi phạm quá thời gian 01 tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng đến chất lượng công trình thì chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ đánh giá năng lực nhà thầu, không chấp nhận cho nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo, đồng thời báo cáo Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh xem xét không chấp nhận cho nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu do Tổng công ty quản lý.

22.3. Bồi thường thiệt hại

Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định ở Chương III, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu theo các nội dung quy định tại Chương III (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.

Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.

Trong đó:

(1) Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,...) *(trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này).*

(2) Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.

22.5. Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ

Thời gian gửi thông báo về khiếu nại là 07 ngày trước khi khiếu nại không còn hiệu lực *[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày trước khi khiếu nại không còn hiệu lực]*.

Điều 23. Rủi ro và bất khả kháng

23.7. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

- Thời gian cản trở thực hiện công trình là 30 ngày [ghi cụ thể thời gian là liên tục bao nhiêu ngày] hoặc tổng số thời gian là 90 ngày [ghi cụ thể tổng thời gian của các lần bị cản trở là bao nhiêu ngày].

- Thời gian có hiệu lực của việc chấm dứt hợp đồng là 07 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi bên kia nhận được thông báo].

Điều 24. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày.

Giải quyết tranh chấp:

- Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau:
 - + Nếu hai bên không đạt được sự thống nhất để giải quyết tranh chấp, một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà Kinh tế thuộc Toà án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng tại Toà án sẽ do bên thua kiện chịu.
 - + Thay đổi thủ tục xử lý tranh chấp: Mọi thay đổi về xét xử tranh chấp phải được hai bên thống nhất bằng văn bản trước khi tiến hành xử lý tranh chấp.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

25.1. Quyết toán hợp đồng

Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng

25.3. Thanh lý hợp đồng

Thời gian tiến hành thanh lý hợp đồng là 90 ngày [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày - nhưng không quá 90 ngày]

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

26.1. Hợp đồng này bao gồm ____ [ghi cụ thể là bao nhiêu trang], và ____ [ghi cụ thể là bao nhiêu Phụ lục] được lập thành ____ [ghi cụ thể là bao nhiêu bản] bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau, và ____ [ghi cụ thể là bao nhiêu bản] bằng tiếng ____ [ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt].

- Chủ đầu tư sẽ giữ ____ [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu bản] bằng tiếng Việt và ____ [ghi cụ thể là bao nhiêu bản] bằng tiếng ____ [ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt].

- Nhà thầu sẽ giữ _____ [ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu bản] bằng tiếng Việt và _____ [ghi cụ thể là bao nhiêu bản] bằng tiếng _____ [ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt].

26.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể thời gian ngày, tháng, năm] và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo khoản 1 Điều 11.

STP
BA
DỰ ÁN
TI
HỒ
SƠ

**PHỤ LỤC MẪU HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÔNG TRÌNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**HỢP ĐỒNG
BẢO HIỂM CÔNG TRÌNH**

Dự án: ...

**Phần I
CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

- Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Kinh doanh Bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- *Các căn cứ khác (nếu có).*

**Phần II
CÁC ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG**

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A : (tên của nhà thầu)

- Địa chỉ : ...
- Điện thoại : ...; Fax: ...
- E-mail : ...
- Tài khoản : ...
- Mã số thuế : ...
- Đại diện là : ...
- Chức vụ : ...

Bên B : (tên của Đơn vị bảo hiểm)

- Địa chỉ : ...
- Điện thoại : ...; Fax: ...
- E-mail : ...
- Tài khoản : ...
- Mã số thuế : ...

— Đại diện là : ...

— Chức vụ : ...

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Đối tượng của hợp đồng là dịch vụ bảo hiểm cho các hạng mục xây lắp trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt công trình và vật tư thiết bị của Chủ đầu tư dự án.

Tên chủ đầu tư: **Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH**

Đại diện bởi : **Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Ban Quản lý dự án Lưới điện TP.HCM**

— Đại diện là: **Ông Trần Văn Toàn**

— Địa chỉ: **Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP.HCM**

— Điện thoại: **(028) 22.201.177; Fax: (028) 22.205.399**

Điều 2. Thành phần hợp đồng:

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. E-ĐKCT của hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong E-ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Tuân thủ các quy định nêu tại hợp đồng và phụ lục đính kèm.

3. Cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến dự án mà Bên B bảo hiểm.

4. Tạo điều kiện và hỗ trợ cán bộ bảo hiểm tham gia khảo sát, đánh giá rủi ro dự án trước khi mua bảo hiểm và khi có tổn thất xảy ra.

5. Có trách nhiệm liên hệ Chủ đầu tư cung cấp toàn bộ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, lịch thi công, hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán, quyết toán dự án, ... liên quan đến đối tượng bị tổn thất như: hóa đơn mua hàng, vật tư, máy móc thiết bị, tờ khai hải quan... để Bên B có cơ sở giải quyết bồi thường theo đúng các quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định như sau:

a) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cung cấp các thông tin, tài liệu (nếu có) liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

b) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

c) Chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm đối với khoản tiền mà người được bảo hiểm đã nhận bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm trong trường hợp người thứ ba có lỗi gây thiệt hại cho người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm đã trả tiền bồi thường bảo hiểm cho người được bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A và Chủ đầu tư đầy đủ dịch vụ bảo hiểm như quy định tại Điều 1 và Điều 5 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

2. Tuân thủ các quy định nêu tại hợp đồng và phụ lục đính kèm.

3. Cung cấp đơn bảo hiểm với đầy đủ nội dung, yêu cầu đáp ứng quy định hiện hành.

4. Cử giám định viên hoặc cộng tác viên tới công trường để xem xét và góp ý kiến về hệ thống bảo vệ.

5. Bồi thường tổn thất đúng quy định của pháp luật khi xảy ra tổn thất; trách nhiệm bồi thường của bên bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm đã ghi trong hợp đồng.

6. Cung cấp cho Chủ đầu tư mẫu thông báo tổn thất (khi có tổn thất xảy ra), bảng câu hỏi và giấy đề nghị bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng và lắp đặt.

7. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo tổn thất, Bên B (hoặc đại diện của Bên B) phải có mặt tại hiện trạng để cùng Chủ đầu tư tiến hành giám định sự cố xảy ra.

8. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định như sau:

a) Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

b) Đánh giá rủi ro được bảo hiểm.

c) Thu phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; điều chỉnh phí bảo hiểm trong trường hợp có sự thay đổi rủi ro được bảo hiểm theo quy định tại Điều 20 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

d) Yêu cầu bên mua bảo hiểm: Áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn lao động.

e) Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm theo quy định của pháp luật trong trường hợp người thứ ba có lỗi gây thiệt hại cho người được bảo hiểm.

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, mức khấu trừ, điều kiện bảo hiểm, các điểm loại trừ xây dựng và lắp đặt:

1. Phạm vi bảo hiểm:

Bảo hiểm cho tất cả tổn thất đối với các hạng mục xây lắp và vật tư thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt công trình do bất kỳ nguyên nhân nào trừ những trách nhiệm được loại trừ theo quy định tại **Điều 34 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.**

Riêng đối với vật tư thiết bị của Chủ đầu tư, phạm vi bảo hiểm bắt đầu từ thời điểm xuất kho của Chủ đầu tư (thời điểm VTTB được bốc xếp lên xe) để vận chuyển đến công trường, quá trình lắp đặt, nghiệm thu.

Quy tắc bảo hiểm và các điều khoản được áp dụng: Áp dụng **Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023** của chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng cùng các điều khoản sửa đổi, bổ sung (ĐKBS) tại Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm hợp đồng.

2. Giá trị bảo hiểm:

– Giá trị Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng là ... đồng (trước thuế GTGT), trong đó:

+ Chi phí xây dựng: ... đồng.

+ Chi phí thiết bị: ... đồng.

3. Mức khấu trừ:

- Đối với rủi ro thiên tai: đồng/vụ.

- Đối với rủi ro khác:đồng/vụ.

4. Điều kiện bảo hiểm:

- Theo quy tắc bảo hiểm của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Phụ lục 1: Các điều khoản bổ sung.
- Phụ lục 2: Quy trình giải quyết sự cố và bồi thường.

Điều 6. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ... đồng (đã bao gồm 10% thuế GTGT).

(Bằng chữ: ... đồng).

Trong đó:

- Giá trị hợp đồng trước thuế GTGT : ... đồng
- Thuế GTGT 10% : ... đồng

Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà Bên B phải nộp.

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 7. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Từ ngày khởi công cho đến khi hoàn thành công trình, cộng thêm 36 tháng bảo hành tiếp theo sau khi công trình hoàn tất nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

2. Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B trước khi công trình được khởi công và Bên B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Chủ đầu tư.

- Đối với công trình chưa khởi công: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày khởi công, Chủ đầu tư có trách nhiệm phải cung cấp lệnh khởi công cho Bên B. Trong trường hợp Bên B không nhận được lệnh khởi công từ Chủ đầu tư, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh xảy ra sau thời điểm 30 ngày được tính từ ngày ghi trên lệnh khởi công cho đến thời điểm nhận được lệnh khởi công.

- Đối với công trình đã khởi công: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Chủ đầu tư có trách nhiệm phải cung cấp lệnh khởi công cho Bên B. Trong trường hợp Bên B không nhận được lệnh khởi công từ Chủ đầu tư, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh xảy ra sau thời điểm 30 ngày được tính từ ngày ký hợp đồng cho đến thời điểm nhận được lệnh khởi công.

Điều 9. Giám định tổn thất:

9.1 Giám định tổn thất

Việc giám định tổn thất thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Cơ quan giám định chịu trách nhiệm về kết quả giám định của mình.

Trong vòng **05 ngày** kể từ khi nhận được thông báo có tổn thất, Bên B (hoặc đại diện của Bên B) phải có mặt tại hiện trường để cùng Chủ đầu tư tiến hành giám định hiện trường và lập biên bản giám định thiệt hại. Nếu quá thời hạn trên mà Bên B không có mặt, Bên B phải chấp nhận biên bản hiện trường do Chủ đầu tư cùng Bên A, Tư vấn và/hoặc cảnh sát và/hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố lập. Trường hợp có sử dụng Đơn vị giám định độc lập để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất, chi phí thuê giám định độc lập do Bên B chịu hoàn toàn và chi phí này không được tính vào Số tiền bồi thường.

Tổ chức giám định, đánh giá tổn thất độc lập là:

1. ...
2. ...
3. ...

Việc giám định tổn thất phải bảo đảm trung thực, khách quan, khoa học, kịp thời, chính xác.

Kết quả giám định tổn thất phải được thể hiện trong biên bản giám định.

9.2 Tái bảo hiểm

STT	Tên các nhà tái bảo hiểm	Xếp hạng tài chính	Tỷ lệ tham gia nhận tái bảo hiểm	Số tiền nhận tái bảo hiểm (VNĐ)
1
2
...
Tổng cộng			100%	...

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng:

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ... bộ, Bên A giữ ... bộ, Bên B giữ ... bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A

[chữ ký, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B

[chữ ký, đóng dấu]

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. "Tài liệu Hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.4. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.5. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.6. "Dịch vụ phi tư vấn" bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Đấu thầu;</p> <p>1.7. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.8. "Địa điểm cung cấp dịch vụ" là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.9. "Bên" là Bên A và Bên B, tùy từng trường hợp.</p>
<p>2. Thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) E-ĐKCT; d) E-ĐKC; e) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>3.1. 3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;</p> <p>3.2. 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ "bằng văn bản" có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>5.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>5.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại E-ĐKCT</p>

	kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT .
6. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Bên B phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
7. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành theo E-ĐKCT .
8. Trách nhiệm của Bên B	Bên B phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 6 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 7 E-ĐKC.
9. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>9.1. Loại hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>9.2. Giá hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của dự án nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của Hợp đồng.</p>
10. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Thanh toán	<p>11.1. Yêu cầu thanh toán của Bên B phải được gửi cho Bên A bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. Trường hợp Bên A thanh toán chậm, Bên B sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>11.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p> <p>11.3. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
12. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>12.1. Bên A và Bên B phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng.</p> <p>12.2. Bên A không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên B cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên A cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p>

	<p>12.3. Nghĩa vụ của Bên A và Bên B quy định tại Mục 12.1 E-ĐKC và Mục 12.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Bên A hoặc Bên B cần cung cấp cho Chủ đầu tư của dự án và cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên A hoặc Bên B;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>12.4. Các quy định tại Mục 12 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>12.5. Các quy định tại Mục 12 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
13. Phạt và bồi thường thiệt hại	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
14. Bất khả kháng	<p>14.1. Bên B không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>14.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>14.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>14.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp</p>

	<p>bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>14.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>15. Điều chỉnh hợp đồng</p>	<p>15.1. Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại E-ĐKCT. <p>15.2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng.</p> <p>15.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. <p>15.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Bên B nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.
<p>16. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> 16.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 16.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 16.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Bên A và Bên B thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án

	<p>thì Bên A và Bên B chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>16.4. Các trường hợp khác quy định tại E-ĐKCT.</p>
17. Chấm dứt hợp đồng	<p>17.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A hoặc Chủ đầu tư gia hạn; - Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; - Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản; <p>- Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 17.1 E-ĐKC, Bên A có thể ký hợp đồng với đơn vị khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>b) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A và Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Bên B theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 5 E-ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán. - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Bên B không thể thực hiện được hợp đồng. <p>17.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A và Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
18. Phát hiện và khắc phục sai sót	<p>18.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại E-ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Bên B tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại E-ĐKCT.</p>

	<p>18.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Bên B cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Bên A và Chủ đầu tư thông báo cho Bên B về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Bên A hoặc Chủ đầu tư, Bên B có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A hoặc Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Bên B không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Bên A hoặc Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Bên B thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Bên B như quy định tại Mục 13.</p>
19. Giải quyết tranh chấp	<p>19.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>19.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại Mục 5.2 E-ĐKC kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại Mục 5 E-ĐKC.</p>

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư là: Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH.</p> <p>Đại diện bởi: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Ban Quản lý dự án Lưới điện TP.HCM.</p>
E-ĐKC 1.8	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: ... (điền thông tin dự án).
E-ĐKC 2.2	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ...
E-ĐKC 4.1	<p>Người nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đại diện Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH- Ban Quản lý dự án Lưới điện TP.HCM. + Địa chỉ: 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh + Điện thoại: (084) (028) 22.168.416. + Fax: (084) (028) 22.205.399 – Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH. + Địa chỉ: 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh + Số điện thoại: (084) (028) 22.201.177 + Fax: (084) (028) 22.201.155
E-ĐKC 5.2	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 20 ngày kể từ ngày xảy ra mâu thuẫn.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Bên A và Bên B sẽ nỗ lực giải quyết các bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp.</p> <p>Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà Bên A và Bên B không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Trung tâm trọng tài thương mại TP. Hồ Chí Minh hoặc Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh có thẩm quyền.</p>
E-ĐKC 10	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành: ...
E-ĐKC 9.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 9.2	Giá hợp đồng: ... đồng (bao gồm 10% thuế GTGT).
E-ĐKC 10	Điều chỉnh thuế: được phép.
E-ĐKC 11.1	<p>Phương thức thanh toán: chuyển khoản.</p> <p>Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: Đồng Việt Nam.</p> <p>Thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi Chủ đầu tư có văn bản thông báo ngày khởi công công trình. Trước ngày khởi công công trình, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B.</p>

TỶ ĐIỂM
 BAN
 Ự AN
 TH
 HỒ
 7/2017

	<p>Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thông báo thu phí; – Giấy chứng nhận bảo hiểm; – Hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với phần giá trị thanh toán. <p>Thời hạn thanh toán: Không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 11.3	Giảm trừ thanh toán: ...
E-ĐKC 13	<p><i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng:</p> <p>Trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 14 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 2% giá trị công việc chậm thực hiện/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 12 %. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 17 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 12 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p>
E-ĐKC 15.1 (c)	<p>Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Điều chỉnh hợp đồng được thực hiện theo mục 5 – Điều chỉnh hợp đồng xây dựng của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Điều 4, 5, 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>
E-ĐKC 16.4	Các trường hợp khác: ...
E-ĐKC 18.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Tuân thủ theo hợp đồng, phối hợp với chủ đầu tư giải quyết sự cố (nếu có), bồi thường thỏa đáng nếu có sự cố xảy ra theo điều khoản của hợp đồng.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 15 ngày.</p>

CÁC PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

PHỤ LỤC 1: ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

1. ĐKBS 001 - Điều khoản bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công, gây rối, bạo loạn của quần chúng

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Bảo hiểm này được mở rộng để bảo hiểm cho các tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi nổi loạn, đình công hoặc bạo loạn quần chúng. Với mục đích đó, Điều khoản bổ sung này (với điều kiện luôn tuân thủ “Các điều kiện đặc biệt” nêu dưới đây) bảo hiểm cho các tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm mà nguyên nhân trực tiếp gây bởi:

1. Hành động của bất kỳ cá nhân nào liên kết với những người khác gây rối trật tự công cộng (cho dù nó có liên quan tới bãi công hoặc phong tỏa nhà máy hay không) nhưng không nằm trong các hành động được đề cập đến ở Điều khoản 2 của “Các điều kiện đặc biệt” của Điều khoản bổ sung này.
2. Hành động của bất kỳ tổ chức quyền lực hợp pháp nào nhằm trấn áp hoặc cố gắng trấn áp bất kỳ sự gây rối nào như đã nói ở trên hoặc làm giảm tới mức tối đa hậu quả của sự gây rối đó.
3. Hành động cố ý của bất kỳ người nào tham gia bãi công hoặc công nhân bị phong tỏa nhằm mục đích đẩy mạnh bãi công hoặc nhằm mục đích chống lại sự phong tỏa nhà máy.
4. Hành động của bất kỳ cơ quan quyền lực hợp pháp nào nhằm chống lại hoặc cố gắng chống lại những hành động trên hoặc làm giảm tới mức tối đa hậu quả của những hành động đó.

Với điều kiện là các bên thỏa thuận thêm và tuyên bố rõ như sau:

1. Tất cả những điều khoản, điều kiện và điểm loại trừ của Bảo hiểm này sẽ được áp dụng đầy đủ đối với Điều khoản bổ sung này, trừ những trường hợp những quy định đó đã được thay đổi trong phần “Các điều kiện đặc biệt” được nêu cụ thể dưới đây và liên quan đến bất kỳ tổn thất hay thiệt hại được quy định trong Bảo hiểm này đều được xem là những tổn thất do các rủi ro được bảo hiểm gây ra.
2. “Các điều kiện đặc biệt” dưới đây sẽ chỉ được áp dụng cho Điều khoản bổ sung này, còn tất cả các quy định trong Bảo hiểm này vẫn được áp dụng về mọi phương diện như trong trường hợp Điều khoản bổ sung này chưa được áp dụng.

Các điều kiện đặc biệt:

1. ĐKBS 002 - Điều khoản bảo hiểm trách nhiệm chéo

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo

hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Phần bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba của Hợp đồng Bảo hiểm này sẽ được áp dụng cho các bên được bảo hiểm có tên trong Hợp đồng bảo hiểm xem như một hợp đồng bảo hiểm tách biệt cấp cho mỗi bên riêng biệt, với điều kiện Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm theo Điều khoản bổ sung này trách nhiệm đối với:

- Mất mát hay thiệt hại của các hạng mục được bảo hiểm hoặc có thể được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, ngay cả trường hợp tổn thất đó không thể được bồi thường vì có mức khấu trừ hay có hạn mức quy định nào khác.
- Chết người hay thương tật, ốm đau của người làm thuê hoặc công nhân mà những người này được hay đáng lẽ có thể được bảo hiểm theo loại hình bảo hiểm bồi thường tai nạn đối với công nhân và/hoặc bảo hiểm trách nhiệm của chủ sử dụng lao động.

Tuy nhiên, toàn bộ trách nhiệm của Người bảo hiểm cho các bên được bảo hiểm sẽ không vượt quá tổng hạn mức bồi thường đã được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm đối với mỗi một tai nạn hay hàng loạt tai nạn phát sinh từ cùng một sự cố.

2. ĐKBS 003 - Bảo hiểm cho công tác bảo hành

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Điều khoản bổ sung này sẽ mở rộng phạm vi bảo hiểm cho thời gian bảo hành, được quy định cụ thể trong điều khoản này, tuy nhiên điều khoản này chỉ bảo hiểm cho những tổn thất hoặc thiệt hại đối với các hạng mục của công trình được bảo hiểm do các nhà thầu (Người được bảo hiểm) gây ra khi tiến hành công tác bảo hành theo quy định trong điều khoản của hợp đồng xây dựng.

Thời hạn bảo hành: 12 tháng bảo hành sau khi hoàn tất ĐKBS 004.

3. ĐKBS 004 - Bảo hiểm bảo hành mở rộng

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Điều khoản bổ sung này sẽ mở rộng phạm vi bảo hiểm cho thời gian bảo hành được quy định cụ thể trong điều khoản này để bảo hiểm cho những tổn thất hoặc thiệt hại đối với các hạng mục của công trình được bảo hiểm trong những trường hợp sau:

- Do các nhà thầu được bảo hiểm gây ra khi tiến hành công tác bảo hành theo quy định trong điều khoản của hợp đồng xây dựng.
- Xảy ra trong giai đoạn bảo hành, với điều kiện các tổn thất hoặc thiệt hại trên công trường với nguyên nhân được bắt nguồn từ trong giai đoạn xây dựng trước khi chứng chỉ hoàn thành cấp cho các hạng mục bị tổn thất hoặc thiệt hại đó được ban hành.

Thời hạn bảo hành: 24 tháng bảo hành sau khi công trình hoàn tất nghiệm thu đưa vào sử dụng.

4. ĐKBS 006 - Điều khoản bảo hiểm chi phí làm thêm giờ, làm đêm, làm vào ngày lễ, chi phí vận chuyển tốc hành

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Điều khoản bổ sung này sẽ mở rộng phạm vi bảo hiểm cho các khoản chi phí phụ về làm thêm giờ, làm đêm, làm ngày lễ và cước phí chuyển phát nhanh (trừ cước phí hàng không).

Luôn với điều kiện là các chi phí phát sinh thêm đó phải liên quan đến tổn thất hoặc thiệt hại của hạng mục được bảo hiểm mà có thể được bồi thường theo Bảo hiểm này.


Nếu Số tiền bảo hiểm của hạng mục bị tổn thất nhỏ hơn số tiền yêu cầu được bảo hiểm thì số tiền bồi thường theo Điều khoản bổ sung này đối với khoản chi phí phụ đó sẽ được giảm theo tỷ lệ tương ứng.

5. ĐKBS 008 – Cam kết liên quan đến cấu trúc công trình trong khu vực động đất.

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm các tổn thất, thiệt hại hoặc trách nhiệm phát sinh từ động đất, nếu Người được bảo hiểm chứng minh được rằng, rủi ro động đất đã được tính đến trong bản thiết kế công trình, phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật qui định về xây dựng cho các công trình tại khu vực có rủi ro động đất và chất lượng của nguyên vật liệu xây dựng, công tác thi công và kích thước của công trình đều được tính toán dựa trên cơ sở của các tiêu chuẩn kỹ thuật đó.

6. ĐKBS 013 – Bảo hiểm cho các tài sản lưu kho để bên ngoài phạm vi công trường

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng sẽ mở rộng để bảo hiểm cho các tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm (trừ các tài sản đang được chế tạo, chế biến hoặc được lưu tại địa điểm kho của nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc nhà phân phối) đang được lưu kho ngoài khu vực công trường trong giới hạn vị trí địa lý được quy định cụ thể dưới đây.



- 7. ĐKBS 100 – Bảo hiểm đối với việc chạy thử của máy móc và thiết bị lắp đặt.**

Tuy nhiên, nếu một phần của máy móc hoặc một số máy móc đã được chạy thử xong và/hoặc đã được đưa vào sử dụng hoặc đã được bàn giao, thì việc bảo hiểm cho nhà máy hoặc các máy móc nói trên và trách nhiệm phát sinh từ các máy móc đó sẽ chấm dứt trong khi số máy móc còn lại vẫn tiếp tục được bảo hiểm cho đến khi chạy thử xong hoặc đưa vào sử dụng hoặc được bàn giao.

“Tổn thất hoặc thiệt hại do thiết kế sai, khuyết tật của vật liệu hoặc khuôn đúc, tay nghề kém không phải các lỗi trong khi lắp đặt”

8. DKBS 102 - Điều kiện đặc biệt liên quan tới các đường cáp ngầm, đường ống ngầm và các thiết bị ngầm khác

43

M

thất hoặc thiệt hại đối với các đường cáp và/hoặc ống ngầm và/hoặc các thiết bị ngầm khác sẵn có trên khu vực công trường, nếu Người được bảo hiểm trước khi tiến hành thi công xây dựng đã tìm hiểu và nắm được đầy đủ và chính xác sơ đồ về các tuyến cáp, ống ngầm hay các thiết bị ngầm khác thông qua các nhà chức trách có thẩm quyền liên quan và đã đề ra các biện pháp cần thiết để đề phòng, hạn chế tổn thất cho các công trình ngầm này trong khi thi công xây dựng.

Việc bồi thường cho các tổn thất hoặc thiệt hại của các công trình ngầm có sẵn mà vị trí của nó đã được chỉ rõ trong sơ đồ (bản vẽ xác định vị trí của các công trình ngầm) thì mức khấu trừ trong trường hợp này sẽ là 20% giá trị của tổn thất hoặc mức khấu trừ dưới đây sẽ được áp dụng, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Việc bồi thường cho các tổn thất của các công trình ngầm sẵn có mà vị trí của nó chưa được nêu chính xác thì sẽ áp dụng mức khấu trừ dưới đây.

Trong bất kỳ trường hợp nào, trách nhiệm bồi thường của Người bảo hiểm chỉ giới hạn trong việc sửa chữa, khắc phục các đường cáp, ống ngầm hoặc thiết bị ngầm khác này và bất kỳ các thiệt hại là hậu quả hay khoản tiền phạt đều không thuộc trách nhiệm bồi thường của Người bảo hiểm.

9. ĐKBS 105: Cam kết liên quan tới cấu trúc sẵn có và các tài sản xung quanh

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Điều khoản bổ sung này sẽ mở rộng phạm vi bảo hiểm cho tổn thất vật chất bất ngờ và không lường trước được đối với các cấu trúc sau đây do việc tiến hành thi công xây dựng các hạng mục được bảo hiểm ở Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng như: Do sự chấn động, làm yếu hay mất vật chống đỡ, hạ thấp mực nước ngầm, kè, đường hầm, và các công việc khác ảnh hưởng đến vật chống đỡ hay nền đất nơi có các cấu trúc.

Tổn thất đối với các cấu trúc trên chỉ được bồi thường nếu trước khi tiến hành thi công các cấu trúc đó ở trong trạng thái tốt và các biện pháp đảm bảo an toàn cần thiết đã được thực hiện.

Người được bảo hiểm, ngay trước khi bắt đầu thi công phải cùng với Người bảo hiểm lập ra một báo cáo nêu rõ về tình trạng của các cấu trúc nói trên.

Loại trừ các điểm sau đây:

- Tổn thất do lỗi, sơ suất khi thiết kế.
- Các vết rạn nứt của cấu trúc mà các vết rạn nứt đó không làm giảm độ bền vững của kết cấu công trình hay sự an toàn của người sử dụng nó.

Trong quá trình xây dựng, nếu cần thiết phải áp dụng thêm các biện pháp an toàn, thì các phí tổn cho việc tiến hành các biện pháp đó sẽ không thuộc trách nhiệm bồi thường của Hợp đồng bảo hiểm này.

10. ĐKBS 107: Những cam kết liên quan đến các lều và kho chứa hàng

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm về những thiệt hại, tổn thất hay trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra đối với các lều và kho hàng hóa do cháy, hoặc ngập lụt, với điều kiện các lều kho này đã được đặt ở vị trí trong phạm vi công trường cao hơn mức nước cao nhất được thông kê trong 20 năm cuối và các kho hàng hóa phải được đặt cách nhau ít nhất 50m hoặc được ngăn bởi tường chịu lửa.

Các bên cũng thỏa thuận rằng Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với bất kỳ sự cố nào song chỉ ở tới mức giới hạn bồi thường

11. ĐKBS 110 - Điều kiện đặc biệt về các biện pháp an toàn đối với mùa mưa lũ

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm về tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi mưa, lũ và lụt nếu như các biện pháp an toàn đầy đủ đã được thực hiện trong khi thiết kế và thi công công trình.

Các biện pháp an toàn đầy đủ có nghĩa là các thông tin về mưa, lũ và lụt tại khu vực được bảo hiểm cũng như trong toàn bộ thời gian bảo hiểm của công trình đã được xem xét kỹ lưỡng dựa trên cơ sở thống kê số liệu với chu kỳ 20 năm do Cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp.

Các tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm phát sinh do việc Người được bảo hiểm không di chuyển ngay các chướng ngại vật (như đất, cát, cây cối) khỏi dòng chảy của nước trong địa bàn công trường, cho dù là có nước hay không để duy trì sự thông thoáng của dòng chảy thì sẽ không được bồi thường.

12. ĐKBS 113 - Vận chuyển đường bộ

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng sẽ được mở rộng để bồi thường đối với trường hợp tổn thất hay thiệt hại gây ra cho tài sản được bảo hiểm trong quá trình vận chuyển, mà không phải là vận chuyển bằng đường thủy hoặc đường hàng không đến công trường theo hợp đồng trong phạm vi giới hạn lãnh thổ Việt Nam, số tiền bồi thường tối đa có thể được thanh toán theo quy định của Điều khoản bổ sung này sẽ không vượt quá 500 triệu đồng đối với mỗi chuyến hàng.

13. ĐKBS 115 - Rủi ro thiết kế

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm

đã trả), điểm loại trừ “Những tổn thất trực tiếp do thiết kế sai” trong Quy tắc bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bị xoá bỏ và điểm loại trừ “những chi phí thay thế, sửa chữa, khắc phục khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc của lỗi do tay nghề kém, tuy nhiên loại trừ này chỉ hạn chế trong chính những hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất của các hạng mục khác xảy ra do hậu quả của nguyên vật liệu bị khuyết tật hoặc tay nghề kém không bị loại trừ” trong Quy tắc bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ được sửa đổi bằng nội dung sau: “Những chi phí thay thế, sửa chữa, chỉnh lý đối với các hạng mục bị tổn thất hoặc thiệt hại gây ra bởi khuyết tật của nguyên vật liệu /hoặc tay nghề công nhân/ hoặc lỗi thiết kế, song điểm loại trừ này sẽ chỉ áp dụng đối với các hạng mục bị tác động trực tiếp (tổn thất trực tiếp) và sẽ không bị coi là loại trừ đối với các hạng mục đã được thực hiện hoàn chỉnh không có khiếm khuyết nhưng bị tổn thất hay hư hại gây ra bởi khuyết tật của nguyên vật liệu/hhoặc tay nghề công nhân/hhoặc lỗi thiết kế đó (tổn thất gián tiếp)”.

14. ĐKBS 116 - Bảo hiểm các hạng mục đã bàn giao hoặc đưa vào sử dụng

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Điều khoản bổ sung này sẽ được mở rộng để bảo hiểm cho:

- Tổn thất hoặc thiệt hại đối với các hạng mục của công trình được bảo hiểm đã bàn giao và đưa vào sử dụng nếu tổn thất hoặc thiệt hại như vậy bắt nguồn từ công việc xây dựng các hạng mục được bảo hiểm theo Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng và xảy ra trong thời hạn bảo hiểm.

15. ĐKBS 119 - Điều khoản bảo hiểm cho những tài sản thuộc sở hữu hoặc quyền trông coi, kiểm soát của chủ đầu tư trên công trường

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng sẽ được mở rộng bồi thường cho những thiệt hại hoặc tổn thất xảy ra đối với Tài sản có sẵn của chủ đầu tư hoặc thuộc quyền sở hữu, trông coi, kiểm soát của Người được bảo hiểm gây ra bởi hoặc phát sinh từ công việc xây dựng hoặc lắp đặt các hạng mục được bảo hiểm ở Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng.

Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với những thiệt hại hoặc tổn thất xảy ra đối với tài sản được bảo hiểm nêu trên với điều kiện là trước khi bắt đầu tiến hành công việc xây dựng, các tài sản đó phải ở trong tình trạng tốt và các biện pháp an toàn cần thiết đã được tiến hành.

Đối với những tổn thất hoặc thiệt hại gây ra bởi những chấn động hoặc do các bộ phận chống đỡ bị dịch chuyển hoặc suy yếu thì Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm các mất mát hoặc tổn thất là hậu quả của việc sụp đổ một phần hay toàn

bộ của các tài sản được bảo hiểm, nhưng không bồi thường cho những rạn nứt bề mặt mà không làm suy yếu độ bền vững của tài sản được bảo hiểm hoặc gây nguy hiểm cho người sử dụng chúng.

Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với:

- Tổn thất hoặc thiệt hại có thể lường trước nếu xét theo bản chất của công việc xây dựng hoặc cách thức thực hiện công việc đó.
- Chi phí để thực hiện các biện pháp cần thiết để đề phòng hạn chế tổn thất trong suốt thời gian bảo hiểm.

16. ĐKBS 120 - Điều khoản chấn động, di chuyển hoặc cột chống bị suy yếu các bộ phận chống đỡ

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng sẽ mở rộng bồi thường những trách nhiệm là hậu quả của những tổn thất hay thiệt hại xảy ra do chấn động, hoặc do bộ phận chống đỡ bị di chuyển hoặc suy yếu.

Với điều kiện rằng:

- Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm về những trách nhiệm đối với tài sản, đất đai hoặc nhà cửa bị tổn thất hoặc thiệt hại do hậu quả của việc sụp đổ toàn bộ hoặc một phần.
- Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm về trách nhiệm đối với tổn thất hoặc thiệt hại của tài sản, đất đai hoặc nhà cửa nếu như trước khi tiến hành công việc xây dựng những tài sản đó ở trong điều kiện tốt và đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa thiệt hại cần thiết.
- Nếu được yêu cầu, trước khi công việc xây dựng bắt đầu Người được bảo hiểm bằng chi phí của mình phải chuẩn bị bản báo cáo về tình trạng của bất cứ tài sản, đất đai hoặc nhà cửa nào nằm trong khu vực nguy hiểm.

Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm về trách nhiệm đối với:

- Tổn thất hoặc thiệt hại có thể lường trước nếu xét theo bản chất của công việc xây dựng hoặc cách thức thực hiện công việc đó.
- Tổn thất bề mặt không làm suy yếu độ bền vững của tài sản, đất đai, cũng như nhà cửa và không gây nguy hiểm cho người sử dụng chúng.
- Chi phí để thực hiện các biện pháp cần thiết để đề phòng hạn chế tổn thất trong suốt thời gian bảo hiểm.

17. ĐKBS 121 - Các điều kiện đặc biệt liên quan đến công tác đóng cọc móng và tường hầm

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với các chi phí phát sinh:

1. Để thay thế hoặc điều chỉnh các cọc hoặc các cấu kết của tường chắn mà:

a) bị đặt sai vị trí hoặc bị lệch hay bị kẹt trong quá trình thi công;

b) bị mất hoặc bị bỏ quên hoặc bị thiệt hại trong quá trình đóng hoặc rút cọc hoặc;

c) gây cản trở do tắc nghẽn hoặc làm tổn hại đến các thiết bị đóng cọc hoặc ống chống.

2. Điều chỉnh các tấm chắn đã bị mất liên kết hoặc tháo rời ra,

3. Sửa chữa bất kỳ lỗi rò rỉ hoặc thấm thấu của bất kỳ loại vật liệu nào,

4. San lấp các chỗ trống hoặc thay thế sét bentonite bị mất,

5. Do hậu quả của bất kỳ chi tiết nào của cọc hay móng không đạt tiêu chuẩn về thử sức chịu tải hay nói cách khác là đã không đạt khả năng chịu tải theo thiết kế.

6. Phục hồi các kích thước hoặc hình dạng

Điều khoản bổ sung này sẽ không áp dụng cho tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi các rủi ro thiên tai. Nghĩa vụ chứng minh rằng các tổn thất hay thiệt hại đó thuộc phạm vi được bảo hiểm sẽ thuộc về Người được bảo hiểm.

18. ĐKBS 200: Bảo hiểm rủi ro Nhà chế tạo

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), điểm loại trừ “Những tổn thất trực tiếp do thiết kế sai” trong điểm trong Quy tắc bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ được thay thế bằng Điều khoản dưới đây:

“- Mọi chi phí liên quan đến sửa chữa và/hoặc thay thế bộ phận và/hạng mục bị tác động trực tiếp của các nguyên nhân: Lỗi do thiết kế, khuyết tật của vật liệu hay khuôn mẫu, trình độ công nghệ kém, nhưng không phải là lỗi trong khi lắp đặt, mà lẽ ra Người được bảo hiểm phải bỏ chi phí ra để khắc phục, sửa chữa nếu họ phát hiện được trước khi có tổn thất xảy ra”.

Tuy nhiên, Điều khoản bổ sung này không áp dụng đối với các bộ phận hay hạng mục thuộc phần xây dựng.

19. ĐKBS 206: Điều kiện đặc biệt liên quan đến thiết bị phòng, chữa cháy

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với những tổn thất là hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp do cháy, nổ nếu như đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

1. Thiết bị phòng cháy đầy đủ thích hợp và thiết bị chữa cháy đủ khả năng luôn luôn có sẵn tại đó và sẵn sàng cho việc sử dụng ngay tức khắc.
2. Có một số lượng công nhân cần thiết được đào tạo đầy đủ sử dụng các thiết bị đó và luôn luôn sẵn sàng trong những trường hợp cần thiết vào mọi thời điểm.
3. Nếu cần có kho chứa nguyên liệu phục vụ cho công việc xây dựng hoặc lắp đặt thì kho đó phải được chia nhỏ ra thành các đơn vị kho với mỗi giá trị kho nhỏ không vượt quá ... Mỗi một đơn vị kho hoặc phải đặt cách nhau ít nhất 50 m, hoặc phải được ngăn cách bằng tường chịu lửa. Tất cả những nguyên liệu dễ cháy như: (...) và đặc biệt tất cả các chất lỏng dễ cháy và khí gas phải được lưu kho ở nơi rộng cách xa tài sản được xây dựng hoặc lắp đặt và xa bất cứ công việc phát sinh nhiệt cao nào.
4. Việc hàn hoặc sử dụng đèn bật lửa ở những nơi lân cận nguyên liệu dễ cháy chỉ được phép khi ít nhất có mặt một công nhân được trang bị đầy đủ bình cứu hỏa và được đào tạo tốt công tác chữa cháy tại địa điểm tiến hành công việc đó.
5. Khi bắt đầu chạy thử, mọi thiết bị chữa cháy được thiết kế cho hoạt động của nhà máy phải được lắp đặt và có thể phục vụ hoạt động được.

20. ĐKBS 220: Vận chuyển nội địa

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), Bảo hiểm thiệt hại vật chất công trình trong thời gian xây dựng sẽ mở rộng để bảo hiểm cho những tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản cung ứng trong phạm vi lãnh thổ:

- Trong khi vận chuyển đến địa điểm công trường theo Hợp đồng bằng các phương tiện khác ngoài đường thủy hoặc đường hàng không trong giới hạn lãnh thổ của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là hậu quả của sự đâm va, va chạm, lũ lụt, lở đất, động đất, mất trộm hoặc cháy.
- Với điều kiện là tài sản được bảo hiểm phải được đóng gói và/hoặc chuẩn bị thích hợp cho việc vận chuyển, xếp dỡ.
- Với điều kiện giá trị được bảo hiểm cao nhất theo Điều khoản bổ sung này không vượt quá **500 triệu đồng** cho một chuyến hàng vận chuyển.

21. ĐKBS: Chi phí chuyên gia

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, và Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận (bao gồm trong phí bảo hiểm đã trả), bảo hiểm theo đơn này sẽ được mở rộng đối với các chi phí thuê kiến trúc sư, giám định viên và chuyên gia tư vấn (thiết kế, giám sát, Quản lý dự án) và kỹ thuật viên (nhưng không vượt quá phạm vi đã quy định trong các văn bản pháp quy của Chính quyền, và cơ quan chức trách hiện hành tại thời điểm phát sinh tổn thất) mà Người được

bảo hiểm phải chi trả để ước lượng (khảo sát, thiết kế thay đổi thiết kế), lập sơ đồ, định lượng, lập danh mục tài sản, mở thầu và kiểm soát trong quá trình khôi phục tài sản sau khi xảy ra cháy hoặc các rủi ro được bảo hiểm theo đơn này (nhưng không áp dụng đối với chi phí lập hồ sơ khiếu nại).

22. ĐKBS - Điều khoản bảo hiểm cho thiệt hại trực tiếp do bom, mìn, mìn nổ chậm, phát nổ gây ra trong quá trình thi công

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi bom chưa phá, mìn đất, đạn hay những dụng cụ chiến tranh để lại dưới lòng đất trước khi bắt đầu xây dựng, có liên quan tới dự án sẽ không được coi như là “rủi ro chiến tranh” bị loại trừ trong các điểm loại trừ của Bảo hiểm này.

Tuy nhiên, Điều khoản này sẽ chỉ mở rộng bồi thường cho những tổn thất nêu trên, với điều kiện công trường đã được thẩm tra và được cấp giấy chứng nhận đã rà soát bom mìn bởi cơ quan có thẩm quyền.

23. ĐKBS: Chi phí dọn dẹp hiện trường

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Đơn bảo hiểm này sẽ được mở rộng để bảo hiểm cho các chi phí hay phí tổn cần thiết mà Người được bảo hiểm phải chịu với sự đồng ý của Người bảo hiểm trong việc:

- Thu dọn hiện trường,
- Tháo dỡ và/hay phá hủy một hay nhiều bộ phận của tài sản được bảo hiểm bị phá hủy hoặc hư hại do các rủi ro bảo hiểm gây ra,
- Gia cố trụ chống hoặc rào bảo vệ.

Tiếp theo những tổn thất thiệt hại đối với công trình trong Hợp đồng mà người được bảo hiểm được bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm này.

24. ĐKBS: Điều khoản về biện pháp phòng ngừa hạn chế tổn thất

i. Các bên thỏa thuận rằng trong trường hợp có thiệt hại thực tế xảy ra (hoặc thiệt hại sắp xảy ra, có thông báo trước và với sự chấp thuận của Người bảo hiểm) với Tài Sản được bảo hiểm, Người bảo hiểm sẽ thanh toán những chi phí hợp lý cần thiết để phòng ngừa, hạn chế hay giảm bớt thiệt hại cho Tài Sản Được Bảo Hiểm.

ii. Người bảo hiểm cũng sẽ thanh toán những chi phí phát sinh không có sự đồng ý trước của Người bảo hiểm nhưng Người được bảo hiểm phải chỉ ra được rằng các chi phí đó là cần thiết phải thực hiện ngay lập tức và khẩn cấp do tình huống nguy cấp.

Người bảo hiểm yêu cầu Người được bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức, theo thực tế cho phép, nhưng trong mọi trường hợp không được chậm hơn 48 tiếng sau khi biện pháp phòng ngừa đã được áp dụng.

iii. Những chi phí đó bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong việc:

- Thanh toán tiền lương cho nhân viên của Người được bảo hiểm;
- Chi phí cho bổ sung thêm dụng cụ và thiết bị phòng cháy;
- Chi phí thay thế, phục hồi hoặc sửa chữa tài sản bị mất, thiệt hại hoặc phá hủy (bao gồm vật dụng cá nhân và quần áo của Giám đốc, Nhân viên và những người tình nguyện làm cho Người được bảo hiểm).

25. ĐKBS: Điều khoản tự động khôi phục giá trị bảo hiểm sau tổn thất

Trong trường hợp phát sinh tổn thất có thể được bồi thường theo yêu cầu bảo hiểm và chưa có văn bản xác nhận của Người bảo hiểm hoặc của Người được bảo hiểm, số tiền bảo hiểm theo đơn này sẽ ngay lập tức được khôi phục đầy đủ kể từ ngày xảy ra tổn thất.

26. ĐKBS: Điều khoản tự động điều chỉnh số tiền bảo hiểm.

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Nếu giá trị của hợp đồng xây lắp công trình vượt quá số tiền đã dự tính tại thời điểm bắt đầu hiệu lực của đơn bảo hiểm thì tổng số tiền bảo hiểm của công trình sẽ tự động tăng theo số tiền vượt quá đó, nhưng **không vượt quá 20% tổng giá trị bảo hiểm** đã được ghi trong Hợp đồng bảo hiểm.

Các bên cam kết rằng việc điều chỉnh số tiền bảo hiểm này không làm tăng phí bảo hiểm đã quy định trong hợp đồng.

27. ĐKBS: Điều khoản chi phí chuẩn bị hồ sơ bồi thường

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Bảo hiểm theo Đơn bảo hiểm này được giới hạn đối với:

1. Chi phí soạn thảo lại tài liệu nhưng chỉ bồi thường giá trị của nguyên vật liệu cùng với chi phí hành chính để soạn thảo lại những tài liệu này.
2. Chi phí hợp lý mà Người được bảo hiểm đã bỏ ra để tạo lập và chứng thực những thông tin do Người bảo hiểm yêu cầu theo điều kiện của Đơn bảo hiểm này.

28. ĐKBS: Điều khoản tài liệu và bản vẽ

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Trong trường hợp có tổn thất về hoặc thiệt hại đến Sơ Đồ Thiết Kế, Tài liệu và Hồ sơ lưu trữ bao gồm cả hồ sơ lưu trữ trong máy vi tính của Người được bảo hiểm trong Giới hạn địa lý do một rủi ro được bảo hiểm gây ra, Đơn bảo hiểm này sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm toàn bộ những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh để có thể tạo lập lại những Sơ Đồ Thiết Kế, Tài liệu và Hồ sơ lưu trữ đó bao gồm cả những thông tin kỹ thuật được bao hàm trong đó, tới mức độ tương ứng với chi phí ban đầu mà Tổng dự toán công trình cho phép.

29. ĐKBS: Điều khoản tạm ứng bồi thường (50% tổn thất ước tính)

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Trong trường hợp có tổn thất được bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm này thì Người bảo hiểm sẽ tạm ứng tối đa 50% giá trị tổn thất cho Người được bảo hiểm sau khi nhận được bản báo cáo sơ bộ của Công ty Giám Định Tổn thất (nếu có chỉ định công ty giám định tổn thất) với điều kiện là khoản thanh toán đó phải được trừ vào khoản thanh toán bồi thường cuối cùng.

30. ĐKBS: Điều khoản thông báo tổn thất – tự động sửa chữa

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Người được bảo hiểm sẽ, khi biết có tổn thất, phá hủy hay thiệt hại dẫn tới hay có khả năng dẫn tới việc bồi thường theo Phần này của đơn, phải:

- Thông báo về những tổn thất thiệt hại cho Doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian ngắn nhất có thể.

- Bằng chi phí của mình tiến hành các biện pháp hợp lý nhằm bảo vệ tài sản khỏi bị phá hủy, tổn thất, thiệt hại hơn nữa và giảm bớt khối lượng tổn thất thực tế hoặc tiềm năng.

- Trong thời gian ngắn nhất hợp lý gửi cho Người bảo hiểm đơn khiếu nại dưới dạng văn bản.

- Cho đại diện của Người bảo hiểm xem toàn bộ phần còn lại của tài sản nhưng chỉ tới mức độ mà Người được bảo hiểm có thẩm quyền, năng lực hợp lý hay điều kiện bảo trì những tài sản đó cho mục tiêu đã nêu trên.

- Cung cấp cho Người bảo hiểm hay người được Người bảo hiểm chỉ định chính thức toàn bộ những chi tiết, bằng chứng và bản tường thuật chi tiết tới mức hợp lý khi có yêu cầu, và cho phép được trích lược, sao chụp và lưu giữ những tài liệu đó.

Mặc dù có những điểm trên các bên hiểu và thống nhất rằng Người được bảo hiểm sẽ được quyền ngay lập tức tiến hành những biện pháp tức thời để tránh nguy hiểm cho người hay tài sản, và những hành động đó không làm phương hại đến vị trí hay quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm.

Các bên thống nhất và hiểu rằng trong trường hợp có tổn thất được bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm này thì Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tạm ứng tối đa 50% giá trị tổn thất cho Người được bảo hiểm sau khi nhận được bản báo cáo sơ bộ của Công ty Giám Định Tổn thất (nếu có chỉ định công ty giám định tổn thất) nhưng **không quá 07 ngày làm việc** kể từ khi xảy ra sự cố tổn thất được Người được bảo hiểm thông báo cho Người bảo hiểm; với điều kiện là khoản thanh toán đó phải được trừ vào khoản thanh toán bồi thường cuối cùng.

31. ĐKBS: Điều khoản điều chỉnh thời gian (72 giờ)

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Mọi tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm phát sinh trong khoảng 72 giờ đồng hồ liên tục gây ra bởi bão, giông, lụt hay động đất sẽ được coi là 1 sự kiện và sẽ được coi là 1 tổn thất để áp dụng các khoản khấu trừ được quy định trong đơn. Để phục vụ cho mục tiêu nêu trên, thời điểm bắt đầu của 72 giờ sẽ do người được bảo hiểm quyết định.

Tuy nhiên, các bên thỏa thuận và hiểu rằng sẽ không có sự trùng lặp giữa bất kỳ hai hoặc nhiều khoảng thời gian 72 giờ liên tục như vậy trong trường hợp tổn thất xảy ra dài hơn thời gian 72 giờ đã quy định.

32. ĐKBS: Điều khoản bảo hiểm cho tài sản sẵn có do trộm cắp

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Phạm vi bảo hiểm của đơn này sẽ bồi thường cho các tổn thất gây ra do trộm cắp trong các trường hợp sau:

- Đột nhập vào hoặc thoát ra khỏi địa điểm được bảo hiểm bằng vũ lực hoặc hành động bạo lực.

- Tấn công, sử dụng vũ lực hoặc đe dọa người được bảo hiểm, nhân viên của Người được bảo hiểm hoặc bất cứ người nào có trách nhiệm trông coi tài sản của Người được bảo hiểm.

Với điều kiện là: Người được bảo hiểm, ngay khi nhận biết được về bất kỳ sự cố nào có thể phát sinh hoặc dẫn đến một khiếu nại nào theo đơn bảo hiểm này, phải:

- Thông báo cho cơ quan công an và tạo mọi điều kiện hỗ trợ hợp lý nhằm phát hiện và bắt giữ tội phạm cũng như truy tìm và thu hồi tài sản.

- Thông báo bằng văn bản cho Người bảo hiểm về sự việc, và trong vòng một tuần kể từ ngày xảy ra sự việc, chuyển văn bản khiếu nại đòi bồi thường và cung cấp các chứng cứ chi tiết và đặc điểm mà Người bảo hiểm có thể yêu cầu một cách hợp lý.

Trong mọi trường hợp, Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường cho bất cứ tổn thất nào mà Người được bảo hiểm không thông báo cho Người bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

Người được bảo hiểm phải thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý cho sự an toàn của tài sản trong việc (a) tuyển chọn và giám sát nhân viên, (b) kiểm tra an toàn toàn bộ cửa ra vào, cửa sổ, và các lối vào nhà khác.

Trong trường hợp phát sinh khiếu nại theo điều khoản này:

- Người được bảo hiểm phải thực hiện những yêu cầu hợp lý của Người bảo hiểm bằng các bằng chứng chứng minh rằng tổn thất thuộc khiếu nại phát sinh do một trong những rủi ro được bảo hiểm gây ra và tài sản đó không chỉ đơn thuần là bị thất lạc hoặc mất tích.

- Người bảo hiểm có quyền lợi đối với bất kỳ tài sản nào, mà thiệt hại của nó đã được Người bảo hiểm bồi thường trên cơ sở điều khoản này và Người được bảo hiểm phải thực hiện mọi sự chuyển giao và các biện pháp được yêu cầu một cách hợp lý để đảm

bảo quyền lợi đó của Người bảo hiểm. Tuy nhiên Người được bảo hiểm không có quyền từ bỏ bất kỳ tài sản nào cho Người bảo hiểm.

33. ĐKBS: Điều khoản tự động mở rộng thời hạn bảo hiểm:

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Bất kể tồn tại những điểm nào trái ngược trong Đơn bảo hiểm này, Thời hạn bảo hiểm theo Đơn này sẽ được tự động mở rộng cho thời hạn bổ sung kể từ ngày kết thúc hiệu lực hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở yêu cầu của Người được bảo hiểm với điều kiện là Người được bảo hiểm phải thông báo cho Người bảo hiểm về thời hạn yêu cầu thêm đó và trên cơ sở là:

Giới hạn thời gian: 90 ngày

34. ĐKBS: Bảo hiểm trong thời gian tạm ngưng thi công

Trong trường hợp tạm ngưng thi công, Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên B chậm nhất là 07 ngày và Bên B có trách nhiệm bảo hiểm công trình theo hợp đồng trong thời gian tạm ngưng thi công mà không tính thêm phí.

35. ĐKBS: Điều khoản 50/50

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Tùy theo thời điểm được tháo dỡ xuống công trường, người được bảo hiểm sẽ tiến hành kiểm tra và phát hiện các thiệt hại có thể xảy ra đối với hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển.

Đối với những hàng hóa được đóng kiện và vẫn còn trong kiện (chỉ tiến hành mở kiện sau này trong quá trình thi công công trình), thì kiện hàng sẽ được kiểm tra về dấu hiệu khả năng tổn thất của hàng hóa bên trong:

- Nếu phát hiện ra những dấu hiệu của tổn thất, hàng hóa sẽ được tháo dỡ bao bì và kiểm tra. Bất kỳ một thiệt hại nào được phát hiện được sẽ được quy cho GCN/đơn bảo hiểm hàng hóa.

- Nếu trên kiện hàng xuất hiện các dấu hiệu tổn thất đối với hàng hóa bên trong xảy ra trong quá trình vận chuyển, bất kỳ tổn thất nào đối với hàng hóa được phát hiện khi tiến hành mở kiện theo thời gian quy định, việc quy trách nhiệm của tổn thất cho GCN/đơn bảo hiểm hàng hóa hay xây dựng phụ thuộc vào việc tổn thất xảy ra một cách rõ ràng trước hay sau khi hàng hóa đến công trường.

Trong trường hợp không thể xác định được thời điểm xảy ra tổn thất trước hay sau khi hàng hóa đến công trường, hai bên thỏa thuận là GCN/đơn bảo hiểm hàng hóa và GCN/bảo hiểm xây dựng lắp đặt sẽ cùng chịu trách nhiệm đối với tổn thất trên cơ sở 50/50. Mức miễn trừ nếu có sẽ áp dụng riêng biệt trên cơ sở phân chia trách nhiệm 50/50 giữa hai đơn bảo hiểm.

36. ĐKBS: Điều khoản bảo hiểm chi phí chữa cháy

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Hợp đồng Bảo

hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Hợp đồng Bảo hiểm này, Hợp đồng bảo hiểm này được mở rộng để bảo hiểm cho:

Chi phí phải trả cho đội cứu hỏa địa phương.

Chi phí nạp lại các phương tiện chữa cháy, do các vật liệu bị phá hủy hoặc thiệt hại và chi phí thay thế hoặc sửa chữa vật liệu hoặc thiết bị chữa cháy, trừ trường hợp các chi phí này đã được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm khác;

Miễn rằng, trách nhiệm bồi thường của Doanh nghiệp bảo hiểm đối với tiền công và chi phí chữa cháy như vậy được giới hạn ở các chi phí cần thiết và hợp lý phải chi để chữa cháy tại hoặc kể cận địa điểm chứa tài sản được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm này hoặc những đám cháy có khả năng gây nguy hiểm cho những tài sản được bảo hiểm đó.

37. ĐKBS: Loại trừ rủi ro ứng dụng công nghệ thông tin

Tổn hại tài sản được bảo hiểm theo điều khoản này có nghĩa là tổn thất vật chất đối với tài sản.

Tổn thất vật chất đối với tài sản sẽ không bao gồm tổn thất cho dữ liệu hoặc phần mềm, hoặc bất kỳ sự thay đổi chi tiết nào có phương hại đến dữ liệu, phần mềm hay chương trình mà gây ra bởi việc xóa hoặc làm biến dạng của hệ thống/cấu trúc ban đầu.

Các tổn thất hậu quả sau đây bị loại trừ:

A. Tổn thất hoặc thiệt hại đến phần mềm hoặc dữ liệu, đặc biệt là bất kỳ sự thay đổi chi tiết làm phương hại cho dữ liệu, phần mềm hoặc chương trình máy tính gây ra bởi việc xóa bỏ, hư hỏng hoặc biến dạng của hệ thống/cấu trúc ban đầu, và bất kỳ thiệt hại gián đoạn kinh doanh bắt nguồn từ tổn thất hoặc thiệt hại đó. Cho dù có điểm loại trừ này, các tổn thất hoặc tổn hại đối với dữ liệu hoặc phần mềm là hậu quả của trực tiếp từ các tổn thất hoặc thiệt hại vật chất đối với tài sản được bảo hiểm sẽ vẫn được bảo hiểm.

B. Tổn thất hoặc thiệt hại bắt nguồn từ sự giảm/mất chức năng, tính khả dụng, phạm vi sử dụng, hoặc khả năng tiếp cận của các dữ liệu, phần mềm hoặc chương trình máy tính, và bất kỳ thiệt hại gián đoạn kinh doanh phát sinh từ các tổn thất hoặc tổn hại đó.

38. ĐKBS: Điều khoản loại trừ rủi ro ô nhiễm, nhiễm bẩn

Đơn bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho bất kỳ thiệt hại hay tổn thất nào do ô nhiễm, nhiễm bẩn, bám muội, bám bụi hay suy yếu do bụi bẩn, kết tủa hóa học, hỗn hợp hóa học, nhiễm độc, tạp chất, bệnh và dịch bệnh hay do bất kỳ sự hạn chế và ngăn ngừa việc sử dụng các đối tượng bởi ảnh hưởng độc hại tới sức khỏe.

i. Loại trừ này không áp dụng cho những tổn thất, thiệt hại phát sinh do hậu quả trực tiếp của:

+ Các rủi ro:

- Cháy, sét, nổ, ảnh hưởng do máy bay rơi
- Ảnh hưởng của phương tiện giao thông, tiếng nổ âm.
- Tràn nước từ các bể, thiết bị chứa nước hoặc đường ống dẫn nước.
- Bạo động, bạo loạn dân sự, hành động ác ý.
- Bão, mưa đá.

- Lũ, lụt.
- Sạt lở đất, sụt lún.
- Động đất.
- Áp lực của tuyết, lở tuyết
- Núi lửa phun.

Hoặc

+ Thiệt hại vật chất đối với loại hình được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm xảy ra tại địa điểm bảo hiểm.

ii. Nếu ô nhiễm hay nhiễm bẩn trực tiếp gây ra những rủi ro mà rủi ro đó không bị loại trừ trong đơn bảo hiểm gốc, những thiệt hại vật chất phát sinh trực tiếp từ những rủi ro đó sẽ được bảo hiểm.

iii. Tất cả các điều kiện, điều khoản khác của đơn bảo hiểm này sẽ không bị thay thế và đặc biệt là những loại trừ sẽ không bị thay thế bởi Điều khoản này.

39. ĐKBS: Điều khoản loại trừ các chất Amiăng:

Các bên đều hiểu rằng Đơn bảo hiểm này sẽ không áp dụng cho:

i. Bất kỳ trách nhiệm đối với các thiệt hại về tài sản, thương tật về con người, ốm đau, bệnh tật, bệnh nghề nghiệp, mất khả năng lao động, sốc, tử vong, đau ốm hoặc tổn thương về tinh thần phát sinh từ quá trình sản xuất, đào bới, sử dụng, mua bán, lắp đặt, di chuyển, cung cấp, trưng bày quảng cáo chất Amiăng, các sản phẩm làm từ Amiăng, sợi Amiăng hoặc bụi Amiăng.

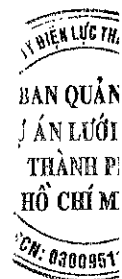
ii. Bất kỳ trách nhiệm nào của Người được bảo hiểm phải bồi thường cho bên thứ 3 đối với các thiệt hại về tài sản, thương tật về con người, ốm đau, bệnh tật, bệnh nghề nghiệp, mất khả năng lao động, sốc, chết, đau đớn hoặc tổn thương về tinh thần phát sinh từ quá trình sản xuất, đào bới, sử dụng, mua bán, lắp đặt, di chuyển, cung cấp, trưng bày quảng cáo chất Amiăng, các sản phẩm làm từ Amiăng, sợi Amiăng hoặc bụi Amiăng.

iii. Bất kỳ nghĩa vụ nhằm bào chữa cho lời buộc tội hoặc các khiếu kiện Người bảo hiểm đã gây ra các thiệt hại về tài sản, thương tật thân thể và các tổn thất khác nếu lời buộc tội và/hoặc khiếu nại đó phát sinh từ bất kỳ và mọi quá trình sản xuất, đào bới, sử dụng, mua bán, lắp đặt, di chuyển, cung cấp, trưng bày quảng cáo chất Amiăng, các sản phẩm làm từ Amiăng, sợi Amiăng hoặc bụi Amiăng. Thêm vào đó các giới hạn tự chịu ảnh hưởng hay giảm sút tương ứng với khiếu nại, chi trả và/hoặc khoản chi phí phân bổ tổn thất bị loại trừ do quy định của sửa đổi bổ sung này, phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không hạ thấp xuống tương ứng với giới hạn tự gánh chịu giảm sút ấy, Hợp đồng bảo hiểm này sẽ tiếp tục chi trả cho những khiếu nại thuộc phạm vi bảo hiểm cho phần vượt quá các giới hạn đã ghi trong mục khai báo là tự gánh chịu.

40. ĐKBS: Điều khoản loại trừ rủi ro do cấm vận quốc tế

Công ty bảo hiểm cam kết không mở rộng cung cấp bảo hiểm và không chịu trách nhiệm bồi thường cho bất kỳ những khiếu nại hoặc quyền lợi phát sinh nào mà việc cung cấp bảo hiểm và thanh toán bồi thường cho những khiếu nại đó sẽ khiến các Công ty bảo hiểm vi phạm các phán quyết của Liên hợp quốc hoặc những trừng phạt về kinh tế hoặc

thương mại và/hoặc các bộ luật và quy định của bất kỳ quyền tài phán nào đang được áp dụng đối với Công ty bảo hiểm.



PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT SỰ CỐ VÀ BỒI THƯỜNG

[Điền quy trình giải quyết sự cố và bồi thường của Đơn vị bảo hiểm]

SƠ ĐỒ THÔNG BÁO TỔN THẤT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

[Điền sơ đồ thông báo tổn thất và giải quyết kiến nghị của Đơn vị bảo hiểm (nếu có)]

THỜI HẠN GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

[Điền quy định về thời hạn giải quyết bồi thường của Đơn vị bảo hiểm, bao gồm chi tiết về thời hạn giải quyết, mốc thời gian tương ứng với công việc giải quyết]

MẪU THÔNG BÁO TỔN THẤT

[Điền quy định về mẫu thông báo tổn thất của Đơn vị bảo hiểm]

